

NĂM THỨ 2

Số 20

Tháng 4 năm 1936

vào Avril 1936

VIEN AM

音

圓



法界蒙黨

法學會月刊

Nguyệt-San Phật-Học

Nam-mô Bồ-như

# Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tác Đại-Chứng-Minh

PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI-ĐẠO-SƯ

Diệu-Đế tự Trụ-Tri : Giác-Tiên } Duyệt-y

Túy-Ba tự Trụ-Tri : Giác-Nhiên }

Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y

Ký tên thế : Lê-dình-Thâm

---

## MỤC LỤC

### I.—QUYỀN ĐẦU NGŨ

— Thế nào gọi là Chu-sơn (Viên-Âm. . . . . 3

### II.—DIỄN-ĐÀN

— Chánh-tín và mê-tín (Đôn-Hậu). . . . . 5

### III.—NGÔN-LUẬN

— Hộ-pháp luận (Nguyễn x-Thanh) . . . . . 20

### IV.—KINH HỌC

— Đại-y kinh Thủ-Lãng-Nghiêm (tiếp theo). . . 30

— Kinh Thủ Lãng-Nghiêm (tiếp theo) (V. A.). . . 32

### V.—LUẬN-HỌC

— Bát thức qui cũ tụng (tiếp theo) (V. A.). . . 40

VI.—THI-LÂM. . . . . 47

### VII.—THẬP-PHƯƠNG LAI CẢO

A.—Lai cảo của tín-đồ nam-giới đối với Phật-Học  
(Thanh-lâm, Tài-Tùng, Minh-Dức). . . . . 52

B.—Ý-kiến phụ-nữ (Diệu-Tu). . . . . 61





# I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ

## Thế nào là Chư-sơn ?

Cách-ngôn có câu : « Danh chánh ngôn thuận », đầu thế-gian hay xuất-thế-gian, việc gì sự gì cũng cần phải quyết định danh nghĩa rõ ràng mới khỏi đều lâm lạc. Như hai chữ « Chư-sơn » ý nghĩa rất rộng rãi mà hiện nay lắm người thấy một ông thầy cũng tự xưng là « Chư-sơn », hai ông thầy cũng tự xưng là « Chư-sơn », mà lại là những ông thầy rược thối nữa, làm cho phần nhiều tin-đồ đối với « Chư-sơn » phát sanh ra những quan-niệm sai lầm, đều ấy cần phải cải-chánh.

Chư-sơn là gì ?

Chư-sơn là tiếng nói tắt, muốn nói đủ thì phải nói « Chư-quan-sơn-tự-tăng », nghĩa là « cái đoàn-thê gồm đủ các ông thầy tu hành đúng với Phật-pháp ở các chùa quan và chùa tư. »

Trong xứ ta, có chùa chỉ được một ông thầy, có chùa chỉ được hai ông, ba ông, không dùng luật-nghi nhà Phật. Các vị tổ-sư sợ nổi giới-luật bỏ bẻ, công hạnh trề nải, mới tụ họp tất cả các thầy trong các chùa làm một Tăng-chúng gọi là Chư-sơn, để lấy đạo-lý mà khuyến-khích những kẻ tu-hành, theo luật-pháp mà trừng trị những người phạm-giới.

Mục-dịch hoằng-dương Phật-pháp, hộ-trì giới-luật của Chư-sơn rất quý-hóa và rất chơn-chánh. Tuy ngày nay oái-lục của Chư-sơn đối với kẻ phạm-giới có phần giảm bớt nhiều, song vẫn có nhiều vị cao-lăng đại-đức giữ gìn mối cho Chư-sơn, đầu đến nỗi để cho các ông thầy trên kia làm đại-biêu.

Vậy Chư-sơn là một đoàn-thể gồm đủ các bậc Tăng-già trong một xứ, trên có các ngài Tăng-Cang, Tru-tri làm chủ-tọa, dưới có các thầy chơn tu làm Pháp-chúng đê hoàng-dương chánh-pháp, hộ-tri giới-luật của đạo Phật. Nếu không phải một đoàn-thể như vậy mà tự nhận là Chư-sơn thì đó chỉ là lối hành-động của những kẻ giả dối, lợi-dụng Chư-sơn và lợi-dụng Phật-pháp, thiệt không dính dựa gì đến Chư-sơn cả.

VIÊN-ÂM

## Phật-học Thiên-Đàm



Ông Tề-Nam Liên-Khốt đã tái bản quyển «Phật-học Thiên-đàm», quyển ấy, Tòa soạn chúng tôi đã duyệt y và nhận việc lưu-thông.

Vậy ngài nào muốn thỉnh «Phật-học Thiên đàm» xin cứ gửi thơ cho Tòa soạn Viên-Âm boîte postale n° 73 Hué.

Giá Phật học Thiên đàm }	1 quyển 0\$05
	10 quyển 0\$40

VIÊN-ÂM



# DIỄN-ĐÀN

## CHÁNH-TÍN VÀ MÊ-TÍN

*Bài giảng hôm rằm tháng 3 nhuận (5 Mai 1936)  
tại Phật-Học-Hội, chùa Từ-Quang Huế*

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Đầu đề bài giảng của tôi hôm nay là «chánh-tín và mê-tín». Chánh-tín và mê-tín khác hẳn với nhau, không phải chánh-tín tức là mê, không phải mê-tín tức là chánh; vậy chúng ta cần phải nghiên-cứu cho rõ thế nào là mê-tín, thế nào là chánh-tín, để về sau khỏi các sự lầm lạc.

Xét trong nước ta, từ nơi thị thành náo-nhiệt đến chốn thôn-quê tịch-mịch, không một nơi nào là không thấy đền chùa am miếu; trên một khoảng đất chật hẹp, dân số không đầy 30 triệu mà đã thấy biết bao nhiêu là tôn-giáo, biết bao nhiêu là lối tín-ngưỡng. Phật-giáo, Khổng-giáo đã tuyên truyền trong nước ta từ mấy ngàn năm thì không nói, đến như Thiên-chúa-giáo, Gia-Tô-giáo là những tôn-giáo mới nhập-cảng chưa đầy 200 năm mà cũng đã bành-trướng một cách phi thường. Lại cách năm sáu năm gần đây, có nổi lên một lối tín-ngưỡng nữa là đạo Cao-Đài; đạo này mới truyền-bá trong một thời-gian ngắn ngủi mà cũng đã nhiều tín-đồ lắm.

Đó là nói các tôn-giáo có tánh-cách đặc-biệt; lại còn biết bao nhiêu lối tín-ngưỡng khác, rất phức tạp mà cũng rất thịnh-hành, như lối thờ Thổ-công, Táo-quần, thờ Thánh, thờ Mẫu, dầu kể cho mấy cũng không hết.

Tôn-giáo khác, tín-ngưỡng khác, mà xét ra thì mỗi tôn-giáo, mỗi tín-ngưỡng đều tự xưng là cao-thượng chơn-chánh và cho các tôn-giáo, các tín-ngưỡng khác là dị-doan mê-tín; như đạo Thiên-Chúa cho đạo Gia-Đô là lạc đường, đạo Gia-Tô cho đạo Thiên-Chúa là sai lối, đạo Nho chê đạo Phật là tịch-diệt hư-vô, đạo Phật bảo đạo Nho là Nho-thừa quyền-giáo; nghị-luận phân-vân, không ai chịu nhận ai là phải cả.

Đứng về phương-diện một tôn-giáo thì kẻ tin theo mình là chánh-tín, kẻ tin khác với mình là mê-tín; đứng về phương-diện một tôn-giáo khác cũng vậy, ai ai cũng đều nghĩ mình là chánh, cho kẻ khác là mê; vậy chúng ta hiện nay biết nương vào đâu mà giải-quyết cái vấn-đề «chánh-tín và mê-tín».

Thưa các ngài, muốn giải-quyết cái vấn-đề «chánh-tín, mê-tín» cho công-bằng đứng đắn, chúng ta cần phải tìm đem lập-trường của chúng ta ra ngoài các tôn-giáo mà tìm những tánh-cách phổ-thông của chánh-tín và mê-tín, rồi về sau mới có thể nương vào đó mà giải-quyết vấn-đề ấy được.

Trước hết, chúng ta hãy đem cái tâm công bằng mà suy xét cho rõ thế nào là mê-tín.

Như có người không tin như mình, mình có thể vì cơ ấy mà gọi là mê-tín không? Thưa không, vì đó chỉ là lối tin khác với mình chứ đâu chắc là mê-tín. Nếu vì họ tin khác với mình mà mình cho là mê-tín thì bên họ cũng vậy, họ cũng vì mình tin khác với họ mà họ cho mình là mê-tín; hai bên đều đủ lẽ như nhau thì còn biết nương vào đâu mà phán-đoán là mê, là chánh.

Hoặc là vì họ tin những điều mình chưa hiểu được chưa thấy chưa nghe được mà cho là mê-tin chẳng? Thưa cũng không thể nói như vậy, vì trí-thức và học-vấn của mỗi người có phần khác nhau, cái mình chưa hiểu mà họ có thể hiểu, cái mình chưa nghe chưa thấy mà họ có thể đã thấy đã nghe, chúng ta không thể căn cứ nơi chỗ hiểu chỗ thấy riêng của mình mà gọi kẻ khác là mê-tin.

Vì như người không rõ hóa-học, không thể cứ nơi chỗ hiểu biết của mình mà cho rằng những người tin trong nước có dưởng-khí, khinh khí là mê-tin. Chúng ta cũng vậy, cái gì chúng ta chưa hiểu phải gắng học cho hiểu, cái gì chúng ta chưa thấy phải gắng tìm cho thấy, chớ không nên căn cứ nơi chỗ hiểu chỗ thấy của mình hiện thời mà gọi kẻ khác là mê-tin.

Vậy thế nào mới thiệt là mê-tin? Thưa duy có tin lầm mới thiệt là mê-tin. Mê-tin mà cất nghĩa là tin lầm thì đâu tôn-giáo nào, tín-ngưỡng nào cũng đều phải công-nhận cả.

Song thế nào mới gọi là lầm? Điều ấy chúng ta cần phải nghiên-cứu.

Theo thiềng-kiến của tôi thì cái gì về mặt lý-đoán quyết định là không có mà tin là có, cái gì về mặt lý-đoán quyết định là có mà tin là không, cái gì về mặt lý-đoán quyết định là vô-thường mà tin là thường, cái gì về mặt lý-đoán quyết định là thường mà tin là vô-thường, cho đến cái gì về mặt lý-đoán quyết định là thiệt mà tin là giả, cái gì về mặt lý-đoán quyết định là giả mà tin là thiệt, đều có thể gọi là tin lầm, là mê-tin.

Trái lại, nếu xét lý rõ ràng, cái thiệt có thì nói có, cái thiệt không thì nói không, cái gì vô thường thì nói là vô thường, cái gì thường thì nói là thường, cái gì thật thì nói là thật, cái gì giả thì nói là giả, thấy thấy đều y như sự thật mà phát lòng tín-ngưỡng thì đâu tôn-giáo nào thiệt tưởng cũng phải nhận là chánh-tín cả.

Có người lại nghĩ rằng: lý-luận chỉ là sự tác-dụng của tư-tưởng loài người, còn sự thật có lẽ vượt ra ngoài tư-tưởng loài người, không thể đem lý-luận mà phán-đoán là thật hay là giả.

Thưa các ngài, nói như vậy mới nghe in tưởng là phải, song xét cho kỹ, lý-luận là một lối phán đoán tà chánh rất đúng đắn, có bằng cứ lại có thật-nghiệm; nếu bỏ lý-luận thì chính lời nói của mình là lời nói không có lý, chính mình đã không biết vì sao mà tin-ngưỡng, phỏng còn bảo ai tin theo mình được nữa.

Còn như nói rằng sự thật quá trình-độ lý-luận của loài người, vậy cái mà cho là thật đó, đối với loài người, là có lý hay là vô-lý? Nếu như có lý thì đâu cao-siêu đến đâu đi nữa cũng có thể đem những ví dụ mà chỉ bày; còn như vô lý thì biết căn-cứ vào đâu mà nói là sự thật? chẳng lẽ chỉ có những người tin đều vô-lý mới thật là người chánh-tín. Nếu tin những đều vô lý mà cũng gọi là chánh-tín, thì đều vô lý vẫn nhiều, người tin đều này kẻ tin đều khác, còn biết chỉ ai là mê-tín nữa. Nếu không biết chỉ ai là mê-tín, thì cũng không thể chỉ ai là chánh-tín và những đều các người kia đã tin cũng không còn biết căn cứ vào đâu mà gọi là sự thật được. Còn như nói tri-thức loài người còn thấp thỏi không thể nghĩ đến sự thật ấy, thì cái sự thật kia đã vượt ra ngoài vòng tri-thức loài người, loài người chắc cũng không thể tin được, còn truyền-bá làm gì cho nhọc sức.

Thưa các ngài, những lối biện luận ngoài vòng lý-đoán như trên là lối biện-luận vô-lý, chính trong lúc họ bỏ cái lý-luận là họ đã tự nhận rằng lời nói của họ là vô lý, tức là không có giá trị rồi, chúng ta không cần phải biện bác rồi ráo làm gì nữa.

Vậy nay chúng ta hãy cứ theo những tính-cách của chúng ta đã định từ trước mà xét đoán thế nào là mê-tín và thế nào là chánh-tín.

### (A. — MÊ-TÍN)

Một người du lịch đến xứ ta có nói rằng: « Người An-nam thật giàu lòng tin ngưỡng ». Câu nói đó là câu nói tình cờ mà xét ra cũng có nhiều ý nghĩa. Họ khen chẳng? Họ chê chẳng? Bề nào họ cũng đã xét đến lòng tin-ngưỡng của người mình rồi. Nếu xét mà họ cho là chơn-chánh

thì câu nói đó là lời khen, nếu xét mà họ cho là tà-ngụy thì câu nói đó là lời chê; lời chê hay lời khen, chúng ta cần phải giải quyết.

Nói ra thì thương xót vô hạn, nhưng sự thật thì lối tín-ngưỡng của phần đông người mình phức-tạp quá lắm, bà chi cũng sùng-bái, bà chi cũng tín-ngưỡng, không biết đem trí-thức mà phán đoán, không biết đem lý-luận mà phẩm-binh, lại còn nhiều lối thành-kiến di-truyền, nó làm cho tâm-trí càng thêm mờ ám.

Có nhiều người tín-ngưỡng mà không bao giờ tự hỏi thử sự tín-ngưỡng của mình là phải hay là trái; hễ có ai hỏi vì sao thì chỉ trả lời một cách giảng đi rằng: « xưa bây nay bắc chúc, đời xưa người ta làm thì bây giờ mình cũng làm theo như đời xưa là được ». Có người hơi khá hơn thì lại nói rằng: « các nước văn-minh, các nhà bác-học, họ còn tin như vậy huống nữa là mình. »

Lại có người tuy biết là không đúng mà cũng cứ tin vì không đủ nghị-lực mà bắt buộc như g thành kiến đã di-truyền lâu đời rồi.

Vậy chúng ta hãy đem các lối tín-ngưỡng chia ra từng mục mà phán-đoán cho rõ là mê-tín hay chánh-tín.

## 1.) QUI-QUYỀN

Chúng ta về nhà quê nghe các bà già kể chuyện cho con cháu, thường là những chuyện ma quỷ yêu tinh làm cho những đứa trẻ thơ phải rùng mình khiếp sợ, nào là con quỷ hai đầu, con ma cụt tóc, con tinh nhát người, con yêu cà nhót; những chuyện quỷ yêu ấy đã ăn sâu vào tâm trí trẻ con, nên khi lớn lên, chúng nó dẫu bạo dạn đi nữa, mà đến lúc phải đi ngang qua những lối tối tăm, những cây cao bóng mát, những nơi thanh vắng tịch mịch, nó cũng phải sanh lòng sợ hãi. Lại khi trong nhà có đứa con đau thì đã bảo là ma khuấy, là con sát chup; khi có xảy ra những tai họa gì thì đã bảo là quỷ lộng, là người khuất

mặt phá. Thế rồi đua nhau mời phù-thủy đến trừ ma, mời bà bóng đến cúng những người thế, hoặc sai mời tìm những phục-thi, hoặc rước thầy địa sứ phương sưa hương; xoay trở thời đã đủ cách mà phần nhiều chỉ thấy tiền mất tật còn, chẳng biết là vì con ma dữ hay vì các ông thầy không cao tay ấ.

Muốn biết những lỗi tin như vậy là phải hay quấy, chúng ta thử hỏi ma là gì? hình dạng nó ra sao? Đáp lại những câu hỏi ấy, những người tin có quỷ quyền sẽ trả lời rằng: « con gái chưa chồng mà chết thì thành tinh, người chết oan thì hóa ra quỷ, người chết vì bệnh thì hóa ra ma, loài vật sống lâu năm thì hóa thành yêu, ma quỷ tinh yêu đều do những người đã chết hoặc những vật sống lâu năm hóa thành ra cả. »

Nói rằng hóa, nói rằng thành, song chúng ta thử xét cái gì có thể hóa, cái gì có thể thành ra được các giống ấy.

Như nói là thân xác hóa thì thân xác khi sống là xương là thịt, khi chết thì ra đất ra nước, dầu có biến ra hơi đi nữa, nó cũng chỉ là các thứ hơi, làm sao lại khuấy bắt người ta được.

Còn như nói là cái hay biết của chúng ta hóa thành thì cái hay biết kia, ngoài cái xác thịt ra, có thể phân biệt được mình là ai không? Nếu có thể phân biệt thì sao hiện nay, ngoài cái thân mình hình dạng thế này, chúng ta không thể phân biệt được cái gì là mình nữa cả. Nếu không thể phân biệt, thì cái hay biết kia đã không phân biệt mình với người, sao lại còn khuấy phá.

Cái hay biết chúng ta hiện nay nhờ nương theo cái thân xác thịt đủ mắt đủ tai này mới thấy được, nghe được, ngửi mùi được, nếm vị được, mới sờ biết nóng lạnh, cứng mềm được. Khi cái thân này rã thì cái hay biết còn nương vào đâu mà thấy mà nghe, còn so sánh với cái gì mà biết lạnh biết nóng, biết mềm biết cứng:

đã không phân biệt được hoàn-cảnh thì hoàn-cảnh dầu có cũng như không có, còn biết nường vào đầu mà phân biệt mình với kẻ khác, còn biết nường vào đầu mà bắt chup khuấy phá. Xét như vậy thì rõ ràng ngoài cái thâu xác hữu-hình, cái hay biết không thể phân biệt ngoại cảnh; đã không thể phân biệt mà nói rằng có khuấy có phá, thiệt rõ là phi lý.

Lại nữa, những giống yêu ma kia là hữu-hình hay vô-hình? Nếu nó là hữu-hình thì lúc nào cũng có thể chỉ nó ra được, mà đã chỉ ra được, thì nó cũng là một sanh-vật như trâu, như bò, sao lại gọi là yêu quái. Còn như nó là vô-hình thì nó đã vô-hình, chúng ta làm sao lại còn thấy được mà nói là ma cụt tóc hay yêu cà nhót. Có người lại nghĩ rằng không có ma sao nhiều người can-đảm, đêm khuya thanh vắng cũng thấy ma? Xin thưa rằng tuy các người kia có can-đảm, song từ lúc nhỏ đã bị những chuyện yêu ma ăn sâu trong tâm trí rồi, nên đến khi lớn, trong chỗ thanh vắng tối tăm, nhớ lại chuyện cũ, đã phải có phần ái ngại. Trong khi đó, hoặc nghe những tiếng động chạm, hoặc thấy những bóng lơ mờ, bị sức tự-dẫn-phát (autosuggestion) của tâm mình, sức tha-dẫn-phát (hétérosuggestion) của hoàn-cảnh mê-tin, nó làm cho tâm thần rối loạn, hiện ra những con ma ở trước mắt chớ nào phải thiệt có ma đến nhác.

Có người lại bảo rằng nếu không có ma, sao nhiều người đau thấy ma đến khuấy nhiễu? Thưa, những người đau tâm-thần đã tán loạn, giác-quán phải mờ ám, họ bị những sức tự-dẫn-phát, tha-dẫn-phát đã nói trên sai khiến nên thấy in tưởng có ma, chớ không phải là có thật. Có người lại bảo rằng nếu thiệt không có ma, sao lắm người phải bị nó bắt điên cuồng mê sảng? Thưa, điên cuồng mê sảng là bệnh của thần kinh, nó làm cho giác-quán phải rối loạn, chớ nào phải là vì ma bắt.

Lại có người bảo nữa rằng nếu không có ma thì ai làm cho những người lên đồng nhảy vọt đó? Thưa, những

lỗi lên đồng là do sức tự-dần-phát của lòng tin mình và sức tha-dần-phát của lòng tin các người xung quanh mình, cũng như những người bị thuật thôi-miên sai khiến chứ không chi khác.

Chúng ta đã xét rõ như vậy thì biết rằng yêu, tinh, ma, quỷ là không thiết có ; Yêu, tinh, ma, quỷ về mặt lý-đoán đã quyết định là không thiết có, thì những lỗi tin-nguỡng có các giống kia, chúng ta có thể gọi là mê-tin.

## 2.) THẦN-QUYỀN

Lỗi tin-nguỡng thần-quyền xét ra cũng đã lâu đời lắm. Người ta sống giữa đời phải chịu biết bao nhiêu những tai họa bất kỳ, nào bão nào lụt, nào ôn-dịch, nào mất mùa, phải cảm-xúc biết bao nhiêu những cảnh-tượng quái dị nào là sao chổi, sao băng, nào là sấm, sét, mống, ráng, mà chẳng rõ là vì cớ gì, nên phát-sanh ra tưởng-tượng có các ông thần chủ-trương về việc ấy, như người ta tin có ông Thiên-lôi làm sét, có bà Điền-mẫu làm chớp, có thần gió, thần mưa, thần sông, thần biển vân vân. Rồi lỗi tin-nguỡng thần-quyền cũng do nơi đó mà phát khởi.

Từ khi khoa-học mở-mang, biết vì điện-lực mà có sấm sét thì những lỗi tin có ông Thiên-lôi, có bà Điền-mẫu phải tiêu diệt, biết vì hơi nước bốc lên gặp khí lạnh đóng thành giọt mưa mà rơi xuống, thì hết tin có ông thần mưa, biết vì nhiệt-độ của không khí các nơi không đều mà hóa ra có gió thì hết tin có ông thần gió. Xét như vậy thì biết các ông thần đều do cái dốt của loài người biến thành chứ không phải thiết có.

Song ở xứ ta lại có các ông thần người nữa. Các ông ấy tức là những bậc hệt-nữ anh-hùng, danh-nhân, chí-sĩ được người ta sùng-bái thờ phụng sau khi chết mà thành Thần hay hiền Thánh. Lỗi tin-nguỡng các ông thần người đó cũng như lỗi tin-nguỡng có ma quỷ do người chết hóa thành, đoạn trước chúng ta đã bắt rồi; nay cũng không cần bàn lại làm gì nữa.

Có người lại nghi rằng nếu không có thần, sao làm người bị đau ốm nhờ cầu, đảo mà lành bệnh ? Thưa đều đó dễ giải-quyết lắm. Những người kia đã sẵn cái lòng tin có thần-quyền, đã sẵn tin rằng thần cho nên thì nên, thần bắt hư thì hư, thần phò hộ thì lành, thần ghét bỏ thì bệnh, nên sau khi cầu đảo, người bệnh và gia quyến đều tin nơi thần-quyền, rồi người bệnh nhờ sức tự-dẫn-phát và tha-dẫn-phát đó mà được khỏi. Song được khỏi như vậy cũng là về phần ít, chớ biết bao nhiêu người cầu đảo mà không có hiệu-quả. Những người tin thần-quyền lại bảo rằng không hiệu-quả là vì không đủ lòng tin-ngưỡng, song nếu không đủ lòng tin-ngưỡng thì ai còn cầu đảo làm gì. Lại nếu vì đủ lòng tin-ngưỡng mà được lành, thì lành là nhờ lòng tin-ngưỡng mà lành, chớ đâu phải thiết có ông thần, ông Thánh.

Ông Thần, ông Thánh, về mặt lý-đoán đã quyết định là không thiết có, thì những lối tin có Thần thánh, chúng ta có thể gọi là mê-tin.

### 3.) TẠO - HÓA

Chúng ta đã phê-bình lối tin có quỷ-quyền và thần-quyền rồi, nay chúng ta hãy xét lối tin có Tạo-hóa.

Giữa đời, trừ ra những người sống một lối sống vô vị chỉ biết ăn và biết ngủ, những ai đã có tâm quang-sát, có trí tìm tòi không bao giờ là không gắng tìm cho biết cái nguyên-nhơn của vũ-trụ này. Vì cái tâm quang-sát tìm tòi ấy mà trong thế gian đã sản-xuất biết bao nhiêu là tôn giáo, là triết-lý, là học-thuật để giải quyết cái vấn-đề vũ-trụ kia vậy. Những lối giải-quyết vẫn nhiều, nhưng cái thuyết « vũ-trụ nhờ cái khác sinh ra » hiện nay được thịnh hành hơn cả. Cái khác đó, người thì gọi là Tạo-hóa, người thì gọi là Thượng-đế, vẫn có nhiều tên, song về ý nghĩa cũng không ngoài là một cái đã sản-xuất ra muôn sự muôn vật giữa vũ-trụ. Họ nói: « Đi vào trong một cái nhà, thấy trang hoàng đẹp đẽ thì ai cũng tin là có ông chủ, khi xem một bức tranh vẽ khéo thì ai cũng nghĩ đến người họa-sĩ, vật

gi cũng phải do cái khác sanh ra mới có, vậy vũ-trụ tất nhiên phải do cái khác sanh ra, cái khác ấy tức là Tạo-hóa ».

Nói như vậy, mới nghe in tưởng là hiệp lý, song xét ra cho kỹ thì còn chưa đúng, vì đã nói rằng vật gì cũng do cái khác sanh ra, thì cái khác kia lại cũng phải do cái khác nữa sanh ra, nói mãi như vậy biết bao giờ cho cùng tột.

Dẫu cho rằng một sanh ra hai, hai sanh ra bốn, thì cái một đó từ đâu mà đem tới. Lại chúng ta chưa hề thấy một cái bánh bồng dựng hóa ra hai cái. Nếu không phải bồng dựng sanh ra hai cái thì tất nhiên phải nhờ ảnh-hưởng của vật khác mới hóa ra hai. Đã nhờ ảnh-hưởng của vật khác mà hóa ra hai thì không thể gọi là một được.

Còn như nói « vi hiện nay thấy người sanh người, vật sanh vật, cây sanh cây, nên hiểu thế là Tạo-Hóa » thì người nấp cũng là Tạo-Hóa, vật nào cũng là Tạo-Hóa, cái chi cũng là Tạo-Hóa, còn so sánh với cái gì nữa mà có tên là Tạo-Hóa ?

Dẫu cho rằng có Tạo-Hóa đi nữa thì chúng ta thử nghĩ Tạo-hóa là hữu-hình hay vô-hình, là có tri-giác hay không tri-giác ? Nếu như vô hình sao bồng dựng lại sanh ra được vật hữu-hình ? Nếu như có tri-giác sao bồng dựng lại sanh được những vật không tri-giác ? Huống chi ở giữa đời sự vật thiên-bình vạn-trạng, tánh tình mỗi loài mỗi khác, mỗi người mỗi khác, lẽ đâu một cái bồng dựng lại sanh ra nhiều cái khác hẳn với nhau như vậy ?

Chúng ta hiện nay thấy cha mẹ sanh con, bột giống đất nước sanh ra cây cỏ, thế đủ biết sự vật giữa đời sanh ra sự sự vật vật can có chi mà phải đeo theo một cái Tạo-Hóa ? Xét như vậy thì biết rằng về mặt lý-luận quyết định không có Tạo-Hóa. Tạo-Hóa về mặt lý-luận đã không thiệt có, thì những lối tin có Tạo-Hóa, chúng ta có thể gọi là mê-tin.

## (B. — CHÁNH-TÍN)

### 1.) NHƠN QUÃ

Đoạn trước chúng ta đã hát qui-quyền, thần-quyền, tạo-hóa và sau khi luận-lý đã nhận rõ những lối tin như vậy là mê-tin, vậy nay chúng ta hãy xét thử

về lối tin có nhơn-quả. Thế nào là nhơn-quả? Như chúng ta cầm viết chấm mực quẹt vào giấy trắng thì thành một vết đen, khi nào cầm viết chấm mực quẹt vào giấy trắng cũng thành vết đen, thì các trường-hợp kia là nhơn, còn vết đen là quả. Tin có nhơn-quả nghĩa là tin rằng khi nào đủ các trường hợp như trên đã nói, tất nhiên có cái vết đen vậy. Chúng ta hiện ở giữa đời, thấy những người gieo lúa thì gặt lúa, gieo bắp thì gặt bắp, có đủ trường-hợp như nhau thì kết-quả đều như nhau, nên chúng ta biết rằng lối tin nhơn-quả là một lối tin đúng đắn. Chúng ta lại thấy những người có học hành chiêm nghiệm thì trí-thức mở maog, những người có luyện tập thể-thao thì da thịt chắc chắn, những bực có lòng nhơn-từ thì nhiều người yêu mến, những kẻ làm việc độc ác thì nhiều người ghét bỏ, nhơn nào thì quả nấy, mảy mún không sai.

Vả lại ở đời, dầu sự gì việc gì, xét về trước tất nhiên cũng có nguyên-nhơn, xét về sau tất nhiên cũng có kết quả; lại nhơn với quả lúc nào cũng đồng một giống như bắp thì sinh bắp, đậu thì sinh đậu, chỉ bông thì dẹt thành vải bông, chỉ gai thì dẹt thành vải gai, xét nơi quả đã thấy có nhơn, xét nơi nhơn đã thấy có quả, nhơn với quả tuy có khác mà nhơn với quả cũng không rời nhau, đó cũng là một điều có thực-nghiệm rõ ràng, không phải là dị-đoan mê-tin.

Lại nữa, ở giữa đời này tuy tùy theo trường-hợp, sự vật vẫn thay đổi mãi, song xét ra cho kỹ thời không có cái gì thiệt mất hẳn cả. Ví như phân-tích nước ra khinh-khí, dưỡng khí, đến khi hiệp hai thứ hơi kia thì lại trở thành ra nước, nhơn với quả vẫn xảy vẫn mãi mãi, mà giống nào về sau vẫn sanh ra giống ấy, mảy mún không sai.

Xét như vậy thì biết rằng nếu mình tử tế với người ta thì người ta về sau tất nhiên cũng tử tế với mình, nếu mình ghét bỏ người ta thì về sau người ta tất nhiên cũng ghét bỏ mình, nhơn lành thì được quả lành, nhơn dữ

thì bị quả dữ, mình muốn người ta đối đãi với mình thế nào thì mình phải đối đãi với người ta thế ấy mới được. Việc gì chúng ta cũng xét cho rõ nguyên-nhơn, cùng soi cho thấu kết-quả, thì mới có thể gọi là thiệt tin nhưn-quả.

Taura các ngài, lối tin nhưn-quả về mặt lý-doán quyết định đúng với sự thật, nên chúng ta có thể gọi là chánh-tin.

## 2./ VÔ-NGÃ

Xét lối tin nhưn-quả rồi, chúng ta hãy xét về lối tin rằng «chính thân chúng ta đây là vô-ngã». Vô-ngã nghĩa là không có cái ta, tức là trong thân chúng ta không có cái gì đáng gọi là cái chủ-tể vậy. Chúng ta hiện ở giữa đời từ bé đến lớn, cũng vẫn là ta, in tuồng như là có cái tự-chủ; lại muốn dơ tay lên thì dơ tay, muốn nhắm mắt lại thì nhắm mắt, biểu thân này làm gì cũng được, in tuồng như là có đủ quyền sai khiến; thế mà vì sao lại tin rằng không có chủ-tể?

Câu hỏi đó mới nghe in tuồng là đúng lý, song xét ra cho kỹ thì những cái mà chúng ta cho là chủ-tể đó, thay đổi mãi mãi, lại thường bị hoàn-cảnh sai khiến, thiệt không có gì đáng gọi là chủ-tể.

Như người đời thường nhận cái thân này là chủ-tể, là cái ta, song xét ra cho kỹ thân này thay đổi luôn luôn, nhỏ khác, lớn khác, trẻ khác, già khác, đâu phải thiệt có quyền tự-chủ. Lại khi muốn mạnh mà cứ yếu, khi muốn lạnh mà cứ đau, đâu phải thiệt có quyền sai khiến.

Vậy thì cái cảm-giác nơi ngũ-quan là cái ta chăng? Cũng không phải, vì ngoài cái sáng tối ra, không có chi đáng gọi là thấy, cho đến ngoài cái động tịnh ra, không có chi đáng gọi là nghe. Lại con mắt không thể nghe, lỗ tai không thể thấy, đâu phải thiệt là chủ-tể.

Cái cảm-tưởng là chủ-tể chăng? Cũng không phải, vì ngoài sự mắt thấy tai nghe không thể có cảm-tưởng được. Vả lại cái cảm-tưởng khi lạnh khi dữ, khi nhớ, khi quên đâu phải thiệt là chủ-tể.

Vậy cái biết suy cái này, nghĩ cái khác, làm việc này, việc khác là chủ-tể chẳng? Cũng không phải, vì nếu nó thiệt có tự-chủ thì sao nó lại thường thường thay đổi, không lúc nào dừng nghĩ; nếu nó thiệt có quyền sai khiến thì sao những thói quen muốn bỏ mà bỏ không được, những cái muốn quên hẳn mà quên không dứt; Thế thì cái biết suy biết làm đó cũng không phải là chủ-tể.

Vậy cái biết là chủ-tể chẳng? Cũng không phải, vì biết tất phải biết cái gì, ngoài những món bị biết ra, không có gì đáng gọi là cái biết, cái biết đã tùy theo hoàn-cảnh mà hóa ra có, ra không, đã tùy theo hoàn-cảnh mà thay đổi mãi mãi, thì thiệt ra, nó cũng không phải là chủ-tể.

Chúng ta suy xét như vậy thì biết rằng nơi thân chúng ta đây, thiệt ra không có chủ-tể, không có cái ta vậy. Không có cái ta mà tin là có cái ta thì gọi là mê-tín; còn như đã thiệt không có cái ta, và cũng tin rằng không có cái ta, thì lối tin ấy đúng với sự thật, nên phải gọi là chánh-tín.

### 3.) DUY-THỨC

Lại nữa, đối với sự sự vật vật giữa đời, chúng ta cũng nên xét thiệt ra nó là thế nào.

Như đồng một cảnh, người xem thì cho là vui vẻ mừng mà, người xem thì sanh ra buồn rầu chán nản, vậy cái cảnh ấy, chúng ta thử xét là cảnh vui hay cảnh buồn? Nếu vui thì ai xem cũng phải cho là vui, nếu buồn thì ai xem cũng phải cho là buồn, sao đối với mỗi người, cái cảnh kia lại có buồn có vui, khác nhau như vậy? Lại như một bát nước đối với chúng ta chỉ là một bát nước mà đối với vi-trùng là một biển cả. Nếu chúng ta thấu được thân lại nhỏ như thân vi-trùng, thì bát nước đối với chúng ta cũng sẽ thành ra bể cả chứ đâu phải là bát nước. Vậy mới biết cái lớn cái nhỏ cái vui cái buồn đều do cái hay biết phân biệt biến thành ra cả.

Lại như chúng ta vào một nhà lém mẩm, ban đầu nghe hỏi hám khờ chiụ, ít lâu lâu lần không nghe hỏi nữa, vậy hỏi hay không hỏi, cũng do cái hay biết phân biệt hóa thành, chứ không phải là thiệt có.

Lại như một quả cam, cắt ra từng miếng, ăn miếng đầu thì ngọt, về sau ăn một chén chè rồi trở lại ăn cam thì cũng đồng một trái cam, mà đã hóa ra chua không thể ăn được. Lại như nước lạnh, bình thường không có vị gì, mà sau khi ăn một vật đắng, nước lạnh lại có vị ngọt. Vậy mới biết ngọt hay chua đều do cái hay biết phân biệt biến thành ra cả.

Lại sau khi để tay vào nước nóng, rời vật gì cũng lạnh; để tay vào nước đá rời vật gì cũng ấm, ấm hay lạnh cũng do cái hay biết phân biệt biến thành chứ không thiệt có.

Huống chi con mắt chúng ta chỉ lãnh-nạp những bóng rất nhỏ của cái vô bề ngoài, lỗ tai chúng ta chỉ lãnh-nạp những cái rung động rất ít của không khí, thế mà chúng ta thấy đủ các vật, nghe đủ các tiếng, vậy các vật các tiếng mà chúng ta nghe thấy đó đâu phải là ngoại vật; xét ra cho kỹ thời nó chỉ do cái hay biết phân biệt biến thành mà thôi.

Suy nghiệm như vậy thì rõ rằng các món sắc không, các món động tịnh, các món có mùi, không mùi, có vị, không vị, các món lạnh, nóng, mềm, cứng, vân vân cho đến các món tướng tượng, nghĩa là tất cả sự sự vật vật trong vũ-trụ đều do cái hay biết phân biệt biến thành; ngoài cái hay biết ấy ra, thiệt không có gì đáng gọi là sự sự vật vật; đó là cái nghĩa « vạn pháp duy thức ».

Cái nghĩa « vạn pháp duy thức », về mặt lý-đoán quyết định đúng với sự thật, nên lối tin « vạn pháp duy thức », chúng ta phải nhận là chánh-tin.

Nói tóm lại, tin có quy-quyền, có thần-quyền, có tạo-hóa là mê-tin; tin lý như-quả, tin lý vô-ngã, tin lý vạn-pháp duy-thức là chánh-tin. Người minh thật giàu lòng, tin ngưỡng,

song đem lòng tin ngưỡng ấy về đường chánh là một điều hay rất có lợi ích, còn đem lòng tin-ngưỡng về đường mê là một điều quấy rất có tổn-hại. Muốn khỏi sự tổn-hại ấy, chúng ta cần phải quan sát kỹ lưỡng, phá tan những lối mê tín, vun đắp cái nền chánh-tin, đặng cùng nhau hưởng cái lợi ích của lối tin-ngưỡng đúng với sự thật. Lối tin-ngưỡng đúng với sự thật nghĩa là lối tin lý nhơn-quả, tin lý vô-ngã, tin lý vạn-pháp-duy-thức, chính là lối tin-ngưỡng của đạo Phật. Vậy chúng tôi trông mong các ngài hằng ngày suy xét và thiết-hành như các lý ấy để về sau đặng cái kết-quả chắc chắn lâu dài của sự thật.

Nam-mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.

Tây-Thiên ĐỒN-HẬU giã.



## XIN CHÚ Ý



Hiện nay Viên Âm ra đã đến số 20, xin các độc-giả người nào chưa trả tiền nên mau mau gửi mandat về cho chúng tôi để tiện việc sổ sách.

VIÊN-ÂM



## HỘ PHÁP LUẬN

Phật-pháp tức là chơn-như, vẫn không thì không chung, không sanh không diệt, thoát ly ra ngoài các sự đối đãi, các sự thay đổi lẽ không cần gì bảo-hộ mà cũng không có gì phải bảo hộ nữa.

Chư Phật ngộ cái pháp-tánh như-như bình-đẳng ấy nên gọi là Phật, chúng sanh mê cái pháp-tánh như-như bình-đẳng ấy nên phải sanh tử luân-hồi. Tuy chúng sanh sanh tử luân-hồi mà cái pháp-tánh như-như bình-đẳng kia vẫn không thêm không bớt.

Đức Phật Thích-Ca thấy chúng sanh đều đủ trí-huê đức-tướng như chư Phật chỉ vì không giác-ngộ phải chịu lầm đều khổ sở, nên Phật thị hiện ra đời, tùy cơ-duyên của chúng sanh mà chỉ vẽ những lối tu hành để phá-trừ những vọng-tướng điên-đảo và chứng đắc pháp-tánh như-như bình-đẳng. Những pháp Phật dạy cho chúng sanh tu tập đã là phương-tiện theo cơ-duyên của chúng sanh mà phổ bày, thì phương-tiện Phật-pháp là do nhơn-duyên mà phát-khởi. Đã do nhơn-duyên mà phát khởi thì khi nhơn-duyên hòa-hiệp vẫn in tưởng có sanh, đến khi nhơn-duyên chia rẽ thì lại in tưởng có

diệt. « Có sanh thì có diệt, có thị thì có chung, » đó là cái tánh vô-thường của các pháp duyên-sanh, dầu cho phương tiện Phật-pháp cũng không ngoài cái công lệ ấy.

Song tuy các pháp duyên-sanh thế nào cũng có ngày tiêu-diệt, nhưng cái ngày tiêu-diệt đó không phải là ngày nhất định. Ví dụ như một cái chén, theo Nhơn-duyên của Nhơn-công, của nước, của đất, của lửa và các vật hạng khác mà thành; vẫn biết cái chén thế nào cũng bể, nhưng người khéo giữ gìn cũng có thể bảo toàn được vài ba mươi năm, mà người không biết giữ gìn thì nó phải vỡ tan trong chớp lát. Phương-tiện Phật-pháp cũng vậy, nếu tin đồ biết duy trì bảo hộ thời mới được tồn tại lâu dài, chớ nếu không kẻ hộ-tri, mặc ai phá hủy chôn lấp thì lâu ngày ắt phải suy-vi tiêu-diệt.

Chúng ta là học trò Phật, đã biết cái ác tàng thiện, xả vọng cầu chơn, đã biết chuyển mê thành ngộ, bỏ chốn tối tăm lên đường sáng suốt, chúng ta nỗ lực phương-tiện Phật-pháp ngày một suy-vi, đến nỗi chúng sanh trong đời vị-lai chịu trăm ngàn sự khổ não trong vật trần, mà không thể nghe được các phương-pháp tu hành choặng giải-thoát. Vậy bất luận Nhơn-vật nào, đảng-phái nào, dân-tộc nào, ai đã tin được Phật-pháp, đã nhận rõ Phật-pháp là phương-pháp độc (nhưt đề tu hành cho giải-thoát ra ngoài biển khổ thì đều phải hộ-tri Phật-pháp, nhận công việc hộ-tri Phật-pháp là cái trọng trách thiêng liêng đối với mình và đối với tất cả chúng sanh, dầu cho khó nhọc đến đâu cũng phải gắng sức hộ-tri không lúc nào rời bỏ. Cái trọng trách ấy, chẳng phải trong một khi, trong một thuở mà cùng năm măn đời, chúng ta cần phải chen vai gánh vác và đào-tạo những người có thể gánh vác về sau, sau xa này, thì mới mong một ngày kia cái diệu-dùng phổ-độ chúng sanh của Phật-pháp lan khắp hoàn cầu, và cái thế-giới nhiễm-ô này biến thành thế-giới thanh-tinh.

Hộ-trì Phật-pháp lại là một lối tu hành « Tự giác giác tha » rất mau chóng và rất viên-mãn. Những người tu hành mà không hộ-trì Phật-pháp thì không khác gì những kẻ muốn đi xa lại tự-chặt cả hai chân, quyết không thể nào đi đến nơi đặng.

Công-hạnh hộ-trì Phật-pháp vẫn nhiều, song đối với tự-giác và giác-tha thì có thể chia làm hai phần là :

- 1.) Hộ-trì Phật-pháp nơi tự-tâm.
- 2.) Hộ-trì Phật-pháp nơi ngoại-cảnh.

## I. — HỘ-TRÌ PHẬT-PHÁP NƠI TỰ-TÂM

Như trên đã nói, chư Phật thuận theo cơ-cảm của chúng sanh mà thuyết-pháp ; cơ-cảm chúng sanh đến bực nào thì Phật thuyết-pháp theo bực ấy ; cơ-cảm chúng sanh đã nhiều bực thì Phật-pháp cũng nhiều phương, song ai đã hiểu rõ và tu tập theo bực nào thời đều được lợi-ích theo bực ấy cả, vì Phật-pháp tuy có cao thấp rộng hẹp khác nhau, nhưng vẫn không ngoài cái lý nghĩa chơn-chánh, mà một người đã tu theo lý nghĩa chơn-chánh thì quyết không bao giờ phải đọa lạc.

Về nhơn-thừa thì Phật dạy những phép Tam-qui và Ngũ-giới. Tam-qui nghĩa là qui-y Phật, qui-y Pháp, qui-y Tăng ; nếu những người đã vưng chịu phép Tam-qui, biết hộ-trì phép Tam-qui nơi tự-tâm mình, không qui-y với thiên thần quỉ vật, không qui-y với ngoại-đạo tà-giáo, không qui-y với tôn-hữu ác-đăng thời chắc được nhiều phần lợi-ích về mặt chánh-tín. Về phần Ngũ-giới thì những ai đã chịu giới nào, gắng sức hộ-trì giới ấy, quyết không hủy phạm thì đã được quả phúc về sau và đã bước một bước khá dài trên con đường chơn-chánh.

Về Thiên-thừa thì Phật dạy phép Thập-thiện. Nếu ai đã lãnh-thọ phép Thập-thiện, gắng sức hộ-tri không chịu rời bỏ, thì người ấy về sau chắc được thọ sanh trên những thế-giới vui vẻ trang nghiêm và lại có thể phát lòng Đại-thừa một cách mau chóng.

Hai Thừa này tuy là Phật-pháp, nhưng chưa có thể đưa ra ngoài tam-giới nên còn gọi là thế-gian thiện-pháp.

Các phép tu theo Thanh-Văn-Thừa, Duyên-Giác-Thừa, Bồ-Tát-Thừa mới gọi là xuất-thế-gian thiện-pháp. Các phép xuất-thế-gian vẫn nhiều, nhưng trong lúc tu học ban đầu cũng không ngoài ba môn là *Giới*, *Định*, *Huệ*, ba môn ấy cũng gọi là tam-học.

#### 1\*) GIỚI

Phật thấy những nghiệp dữ thường làm cho chúng sanh phải đọa lạc tam-dồ, nên đặt ra các giới cấm để ngăn ngừa đều dữ. Giới có ngũ giới, thập-giới cho đến Tỳ-Kheo-giới, Cu-Túc-giới đều là những phép phải tuân theo để diệt trừ các nghiệp dữ nơi thân-thể, nơi lời nói và nơi ý-tưởng.

Tri-giới là một điều rất cần yếu trên con đường tu tập; người tu hành mà không giữ giới thì chính mình đã khó tránh khỏi sự đọa lạc trong tam-dồ ác-dạo còn mong gì vượt ra ngoài tam-giới.

Vì vậy nên trước khi nhập Niệt-bàn-Phật bảo đệ tử phải lấy giới-luật làm thầy. Lại trong kinh Lăng-nghiêm Phật có dạy rằng : « Người tu hành tuy học rộng biết nhiều, nếu không tri-giới thì dầu thuyên-dịnh có cao đi nữa cũng thành ma-ngoại chứ không bao giờ thành đặng chánh-quả. »

Trong Phật-pháp rất nhiều pháp-môn, song dầu tu pháp-môn nào cũng đều phải tri-giới, nếu không tri-giới thì không khác chi người xây tháp cao mà không đào móng xây nền, càng cao bao nhiêu thì lại càng mau đổ.

Hướng chi phép tri-giới cũng là một phép tu hành rất chắc chắn, nếu người tu hành tri đủ các giới nơi thân-thể thì thân-thể được nhẹ nhàng, trong sạch ; giữ đủ các giới nơi tâm-thức thì tâm-thức được yên lặng, sáng suốt ; về sau thành đạo chứng quả cũng không ngoài sự tri-giới ấy.

Sự tri-giới có quan-hệ như vậy nên chúng ta đã thọ giới gì phải gắng sức hộ-tri giới-pháp nơi thân-tâm chúng ta, thì về sau mới chắc khỏi đọa-lạc và sự tu hành mới mong có hiệu-quả.

### 2.) ĐỊNH

Tâm duyên một cảnh, không tán động thì gọi là định. Định có hai thứ là : tán-định và thuyền-định. Tùy theo ý muốn, chăm chỉ về một việc không kể đến việc khác thì gọi là tán-định ; chuyên chú nơi nhất niệm, ôm ấp nơi nhất niệm, qui bấu nơi nhất niệm, đầu làm việc gì cũng không rời nơi nhất niệm thì gọi là thuyền định. Người tu tập thuyền-định cần phải hộ-tri chỗ nhất niệm không lúc nào rời mới trông mong chứng đặng định-quả.

### 3.) HUỆ

Huệ là lựa chọn chỗ chính, chỗ tà, chỗ phải, chỗ chẳng. Huệ có ba món là văn-huệ, tư-huệ và tu-huệ. Người ở đời nghe được Phật pháp không phải là dễ, nghe được và hiểu được thì lại càng khó hơn nữa. Chúng ta đã nghe được Phật-pháp, đã hiểu được một ít Phật-pháp, đã lựa chọn được chỗ phải chỗ quấy, chỗ chánh chỗ tà, chúng ta cần phải hộ-tri Phật-pháp nơi chúng ta, giữ theo chỗ phải, chỗ chánh mà hành-dộng, hằng ngày suy xét cho đến chỗ huyền-vi, thời trong sự tu hành mới chắc khỏi đều lầm lạc.

Ba món giới-học, định-học và huệ-học là ba món rất cần yếu cho sự tu học Phật-pháp, chúng ta được chút nào cần phải gắng sức hộ-tri, người thọ-giới thời quyết

định đưng cho hủy phạm, người đắc định thời quyết định đưng cho tán loạn, người phát huệ thời quyết định đưng theo tà-kiến, hằng ngày gắng sức hộ-trì Phật-pháp nơi tự-tâm mình mà tấn-hóa lên lần thời một ngày kia, quyết định thành đạo chứng quả.

## II. — HỘ TRÌ PHẬT-PHÁP NƠI NGOẠI CẢNH

Vẫn biết đến chỗ duy-tâm không còn gì đáng gọi là ngoại-cảnh, song về giả-tượng của thế-tục, ngoại-cảnh vẫn không phải là không có hẳn. Người đã phát đại-thừa-tâm cốt phải trang-nghiêm Tịnh-độ, mà những công-hạnh trang-nghiêm Tịnh-độ thời không công-hạnh nào cho bằng công-hạnh hộ-trì chánh-pháp.

Công việc hộ-trì Phật-pháp vẫn nhiều, nhưng cũng không ngoài hai phần là : *Hộ-trì chánh-pháp và hộ-trì giới-luật*

### I.) HỘ-TRÌ CHÁNH-PHÁP.

Chúng ta sanh vào thời đại này cách Phật đã lâu năm, nên chánh-pháp ít người biết xiêng-dương mà tà-giáo lai nhố-nhăng sôi nổi. Này lý này, mai lý nọ, cứ đua nhau mà xuất-hiện, làm cho nhơn-tâm rộn rịp, không biết đâu là con đường chánh-đại quang-minh. Loài người phần nhiều rất trọng lý-tưởng, trừ ra cái hạng « sống đề mà ăn, mà ngủ rồi chết », thì ai cũng muốn tìm một cái phương-châm cho tri-thức. Người khát khao về lý-tưởng cũng như người đi nắng mà khát nước, nếu không gặp nước trong, rồi ai đưa đến nước ao nước hồ cũng uống mà đã uống nước nhớp vào thì về sau khó khỏi mang bệnh, rất đáng thương xót. Muốn cho người ta khỏi bệnh, tất nhiên phải tìm cách làm cho chỗ nào cũng có nước trong ; muốn cho ai ai cũng biết đường chơn-chánh mà tu hành thì tất nhiên phải truyền-bá chánh-pháp cho tội hàng cùng ngõ hẹp. Trong khi truyền-bá chánh-pháp, chúng ta cần phải hợp-thời, thích-cơ thì sự truyền-bá mới mau có hiệu-quả.

Đạo Phật thường dạy phải tự-giác giác-tha. Tự-giác giác-tha không phải tự mình giác-ngộ hoàn-toàn rồi mới giác-tha đâu. Mình biết lay Phật thì khuyên bảo người ta lay Phật, mình biết qui-y thì khuyên bảo người ta qui-y, mình hiểu rõ được điều gì thì bày vẽ cho người ta điều ấy, thế cũng được gọi là tự-giác giác-tha. Một điều cốt yếu là những điều mình chưa thiết rõ, không nên vì danh-lợi đem ra dạy người, làm cho người ta phải vì mình mà đến nỗi lằm lạc.

Về phần văn-tự, những nhà đảm đương trách-nhiệm hoằng-pháp, trong các tạp-chí hay các bài giảng, nên dùng những lối văn dễ dàng, phổ-thông và nên tránh—tránh được chừng nào là tối chừng nấy —những danh-từ mới lạ, khó hiểu trong các kinh điển. Lại những nhà hoằng pháp cần phải y như nghĩa-lý mà truyền-bá, chớ không nên y theo văn-tự; nếu y theo văn-tự mà không rõ nghĩa lý, thì chính mình đã không rõ Phật nói cái gì, đã không hiểu phương-tiện của Phật là gì, còn biết làm sao mà tự đặt ra những phương-tiện hiệp thời cho được.

Theo thiển kiến của tôi, đối với cơ duyên đời này, chúng ta phải đem lý đại-thừa ra mà truyền-bá, còn về phần sự-tướng, trừ ra các bậc chuyên-tu, chúng ta cần phải khuyên-bảo mọi người thiết-hành theo các phép Nhơn-thiên-thừa. Chúng ta phải làm cho ai nấy đều hiểu thế nào là Phật, thế nào là cúng dường Phật và như thế nào là phải chỉ rõ cho mọi người biết rằng tu hành theo đạo Phật không phải chỉ ở trong sự hương hoa cúng vái hay niệm Phật tụng kinh, mà chính là ở nơi trăm ngàn vạn việc phải giữa thế-gian này vậy.

Một điều cốt yếu trong công việc hộ-trì chánh-pháp là phải đánh đổ các tà-thuyết, đừng cho đám chồi này nhách nữa. Về việc phá-tà-hiến-chánh, chúng ta cần phải thận trọng hết sức, phải luận lý thế nào cho kẻ ngoài đạo tự nhận mình là sai lầm mà không ghen ghét oán thù, tự phát tâm sửa đổi mà khỏi ăn năn hối-hận, nói

tóm lại là phải làm cho họ vui vẻ mà theo chánh-đạo. Vẫn biết trong chỗ này chúng ta sẽ thường gặp một trở-lực rất lớn, là cái thành-kiến ; song tuy chúng ta vị tất đem được mọi người từ bờ mê-tín đến bờ chánh-tín, vượt khỏi cơn sóng thành-kiến ấy, nhưng nếu chúng ta luận-lý cho rạch ròi thì chắc cũng có thể ngăn ngừa những kẻ chưa lở vào trong đường lầm lạc.

Chúng ta lại phải thường tổ-chức những cuộc diễn giảng về Phật-pháp và phiên dịch ấn-tống các kinh sách về đạo Phật. Lối hoằng-dương Phật-pháp sau này, ảnh-hưởng rất lớn, chúng ta cần phải hết sức thận trọng, không nên viết liễu dịch cần cho đầy giấy, di-hại cho các nhà độc-giã.

Nếu các nhà chánh-tín sẵn lòng hộ pháp, một mặt xiềng dương chánh-lý, một mặt phá trừ tà-thuyết, chung nhau gánh vác công việc ấy cho viên-mãn, thì một ngày kia ánh-sáng chơn lý sẽ rọi khắp thế-giới này và những mối mê-tín dị-đoan sẽ vì đó mà tiêu-diệt.

## 2.) HỘ - TRÌ GIỚI - LUẬT

Muốn trọn vẹn các công việc xiềng-dương chánh-lý, phá-trừ tà-thuyết, chúng ta cần phải bảo-hộ những ông thầy chơn-tu để giữ gìn giềng mối cho công việc ấy. Các thầy chơn-tu là những thầy đã giữ đủ tam-tụ-tịnh-giới, nghĩa là đã hy-sanh những đều ích-kỷ, những mối tư-tâm, những lạc thú ngũ-dục giữa đời, đã dày công tham-cứu và tu trì Phật-pháp, đã lấy tâm từ-bi bình-đẳng mà thiệ-t-hành Phật-pháp, cứu-thế độ sanh. Những thầy như vậy toàn là những thầy không kể danh-lợi, không biết tích-trữ, không lo đời lạc, chúng ta cần phải chăm lo cúng dường cho châu áo, nào là cung cấp cơm áo, giúp đỡ thuốc thang. Khi các thầy thuyết-pháp, chúng ta lại cần phải giữ gìn trật-tự đừng cho những kẻ giả-dối, lăm lạc khuấy nhiễu.

Muốn đào-tạo thêm các thầy chơn-tu, chúng ta cần phải thỉnh kinh sách cho đủ và lập Phật-học-đường, rước minh-sư để dạy về những người hậu-học.

Lại chúng ta cần phải bài-trừ những kẻ gian dối trong Sơn-môn để chỉnh-dốn lại toàn-thể Tăng-già của đạo Phật.

Hiện nay trong nhà chùa có nhiều kẻ không học không tu không giữ được một giới, chỉ lợi-dụng cái vỏ ông thầy mà làm kẻ sanh-nhai, khiến cho lòng tin-ngưỡng của tín-đồ ngày một sai lạc. Họ đem những lối bói xăm, phù-thủ mà lợi-dụng lòng mê-tin, họ bày những lối cúng cấp kỳ quái để tựa-trung thú lợi, thế rồi họ cũng bày những công cuộc truyền pháp truyền giới, tự xưng là Cao-tăng đại-đức, là Hòa-thượng Yết-ma, để lừa gạt những tín-đồ nhẹ dạ. Lại còn một hạng, tuy không giữ giới, nhưng cũng gắng học ít chữ, gắng hiểu nghĩa đen ít bộ kinh để lợi-dụng theo một lối khác.

Muốn bài-trừ cái nạn ấy, toàn-thể tín-đồ cần phải hộ-tri giới-luật, phải tôn giới-luật làm thầy và chỉ nhận những ông thầy giữ giới là thầy của mình, phải liệt những kẻ không giữ giới vào hạng người phá-hoại Phật-pháp và hết sức bài-trừ để cho chơn-tướng của Tăng bảo đạo Phật có ngày thiết hiện.

Trong Sơn-môn hiện nay, nói cho thật, thì chưa có tổ-chức, chưa có hệ-thống; ai muốn làm thầy thì cứ tạo ẩu mặc áo làm thầy, ai muốn làm Đại-sur thì cứ nhiều tuổi nhiều tiền thì làm Đại-sur, còn biết ai là bực chơn-chánh tu hành, ai là người phá-hoại Phật-pháp. Muốn tránh cái tệ ấy, trong Sơn-môn cần phải có thi hạch Phật-pháp rồi mới được thọ-giới; ai có thông hiểu tam tạng, nghiêm-tri giới-luật rồi mới được đắc-Pháp; có đắc pháp rồi mới được truyền quy-giới, thấu học tào và mới được làm Chứng-minh, Chử-sám trong các đàn chay, lãnh chức Thập-sur trong các Trường-kỳ. Được như vậy thì danh nghĩa phân minh và Sơn-môn mới có thể chỉ-trích những kẻ giả dối và xin pháp-luật trừng-trị.

Hộ-trì chánh-pháp, hộ-trì giới-luật là hai việc rất cần yếu trong công-hạnh hộ-pháp, ai là người đã tin-ngưỡng Phật-pháp đều phải gắng sức chung lo cho thành-tựu. Muốn chung lo công việc ấy, các nhà thiện-tín cần phải hiệp lại cùng nhau lập thành những Hội Phật-Học, trên nhờ các bậc chơn-tu chỉ dẫn, dưới nhờ các hội-viên giúp của giúp công thì mới chắc có hiệu-quả. Lại các hội Phật-Học cần phải liên hợp cùng nhau, trao đổi ý-kiến, biện-luận tà-chánh cho rạch ròi thì công việc hoằng-pháp sau này mới chắc được mười phần viên-mãn.

Hộ-trì Phật-pháp là trách-nhiệm chung của toàn-thể tín-đồ, ai là bậc chơn-chánh tu hành, ai là người tín-ngưỡng Tam-bảo, xin hãy gắng mà hộ-trì Phật-pháp.

NGUYỄN-XUÂN-THANH



# ĐẠI Ý KINH THỦ-LĂNG-NHIÊM

Phật nương nơi Kiến tinh chỉ rõ Như-lai-tạng (chơn tâm)

(tiếp theo)

*Tánh thủy là phi-nhơn-duyên, phi-tự-nhiên, ly-hê-thủy-lượng và tức-hê-thủy-pháp. (tiếp theo)*

Ông A-Nan nghe Phật dạy cái lý « phi-nhơn-duyên » thì lầy lăm ngạc nhiên, vì ông thường nghe Phật dạy rằng cái thủy gồm đủ bốn món nhơn-duyên là nhơn cái hư-không, nhơn cái sáng, nhơn cái tâm, nhơn con mắt. Nguyên Phật dạy các tướng nhơn-duyên giữa thế-gian là để chỉ rõ rằng các pháp đều do nhơn-duyên giả hiệp mà thành, vốn không có tự-tánh. Các pháp không có tự-tánh tức là duy một chơn-tánh duy một đệ-nhất-nghĩa-tánh.

Khi Phật chỉ bốn nhơn-duyên là chỉ về chỗ người đời thường gọi là thủy, chứ không phải thiết chỉ tánh thủy.

Như người đời khi có ánh sáng thấy vật này vật khác thì gọi là thủy, đến khi tối không thấy rõ các vật thì gọi là không thủy, nhưng thiết ra thì không phải thế. Vì nếu trong khi tối thiết là không thủy thì làm sao lại còn thấy tối, mà đã thấy tối thì lúc ấy chỉ không có ánh-sáng chứ đâu phải là không thủy. Người đời nhận vật là mình, lầy cái ánh-sáng làm cái thủy nên tưởng lăm như vậy.

chớ cái thấy lúc nào cũng có, chẳng phải vì sáng, vì tối mà có thêm bớt.

Vậy trong khi thấy sáng, cái thấy không phải là cái sáng, trong khi thấy tối cái thấy không phải là cái tối, trong khi thấy các vật hữu-hình, cái thấy không phải là các vật hữu-hình, trong khi thấy hư-không vô hình, cái thấy cũng không phải là cái hư-không vô-hình. Xét lên một tầng nữa, trong khi cái tánh thấy phát ra cái tác-dụng thấy các vật tượng, thì cái tác-dụng thấy các vật-tượng đó cũng chưa phải là cái thấy, huống nữa là các vật-tượng. Cái tánh đó không năng không sở, không sanh không diệt, ra ngoài các sự đối đãi, đâu còn có những tướng như duyên, tự-nhiên hay là hòa hiệp ; chỗ đó nếu không nhận rõ thì chẳng những không biết kiến-tánh là chi mà cũng không biết kiến-tính là chi, vì chỉ duyên một cái ảnh-tượng giả dôi nơi pháp-trần mà thôi. Duyên với các tướng hư-vọng thì quyết định không nhận rõ được kiến-tánh, nên Phật dạy phải suy xét đúng với sự thật đặng chứng rõ thật-tướng của các pháp, chớ không nên trở nài trên con đường tu học Phật-pháp.

(còn nữa)

VIÊN ÂM



經  
楞嚴經  
(續)

我相見目，淚將行於諦諸。顛云眾，間五  
為合見慧悲，眾修聞今來。二轉者，世影  
尊和聞大已，大妙多汝將。由輪二，如圓  
世諸更施語，諸裨益了，合。問業見，難有  
佛然，今慈是。及摩但未亦。世當妄，阿別  
如自而弘作，難三記猶示。迴生業，見光  
尊與開願淨，阿諸強心開。輪發別，妄燈  
世及未伏明，愍尼雖照，別果生處生。業見  
言緣猶悶心旨，憐羅汝觀分裨眾當眾。別夜  
佛因心迷覺聖尊陀言密汝善切妄者見為嘗  
白說合增等受世大難微為獲一見一妄名赤  
難宣和重我承時，演阿他當者難，別見分何有疊  
阿輩不見，示禮爾敷告摩吾漏阿分二同云目重  
等與非開頂，欲路奢聽育，倒何生，人色

光若此已爲	有出人	影言見	第不離今非	於爲燈圓成何復則離目是影是	如二應見欲燈	意是色影色等次合見見故見燈	第之說非名非	云燈則惟則	阿傍別圓當俱是	二觀言見誰見	何色非管彼	難觀有影知管見	月捏此此是	此爲管之管	若昇應	色見於	非所邊亦燈	夜當人觀人	此帳非	實管是	體成根如是	燈見何若見	圓几眼	在非中	非故元是見	明色不是圓	影筵矚	燈病有	影諸是日何	所阿同見影	離有云	見終非	何有形管况	現難見色者	燈圓何	病不燈	以智非所分	圓此而見名	別影管	爲應非	故者形成別
-------	-----	-----	-------	---------------	--------	---------------	--------	-------	---------	--------	-------	---------	-------	-------	-----	-----	-------	-------	-----	-----	-------	-------	-----	-----	-------	-------	-----	-----	-------	-------	-----	-----	-------	-------	-----	-----	-------	-------	-----	-----	-------

(未完)

# KINH DIỄN-ÂM

THỦ LÃNG NGHIỆM KINH (Suramgama)

(Tục)

A-Nan bạch Phật ngôn : « Thê-tôn, như Phật Thê-tôn, vị ngã đẳng bồi, tuyên thuyết như duyên cập dữ tự nhiên, chư hòa hợp tương dữ bất hòa hợp, tâm do vị khai ; nhi kim cánh văn kiến kiến phi kiến, trùng tăng mé muộn. Phục nguyện hoàng-từ thí đại-huệ-mục, khai thị ngã đẳng giác tâm minh tịnh. » Tác thí ngữ dĩ, bi lệ đành lẽ, thừa thụ thánh chỉ.

Nhĩ thời, Thê-tôn lân mản A-Nan cập chư đại-chúng, tương dục phu diễn đại đà-la-ni chư tam-ma-đế diệu tu hành lộ, cáo A-nan ngôn : « Nhữ tuy cương-kỳ đàn ích đa văn, ư Xa-ma-tha vị mật quán chiếu, tâm do vị liễu. Nhữ kim đề thỉnh, ngô đương vị nhữ phân biệt khai thị, diệc linh tương-lai chư hữu-lậu dã hoạch bố-đề-quã.

A-Nan, nhứt thê chúng sanh luân hối thê-gian, do nhị diễn-dảo phân biệt kiến-vọng, đương xư phát sanh, đương nghiệp luân chuyển. Văn hà nhị kiến : nhứt giả chúng sanh biệt nghiệp vọng-kiến, nhị giả chúng sanh đồng phạm vọng-kiến.

Văn hà danh vị biệt nghiệp vọng kiến ? A-nan, như thê gian nhân mục hữu xích sãnh, dạ kiến đăng quan biệt hữu viên ảnh ngũ sắc trùng điệp

U ý vân hà ? thờ dạ đấng minh sở hiện viên quang, vi thị đấng sắc, vi đương kiên sắc ? A-Nan thờ nhược đấng sắc, tác phi sanh nhân hà bát đóng kiến, nhi thờ viên ảnh duy sanh chi quan ? Nhược thị kiên sắc, kiến di thành sắc, tác bĩ sanh nhơn kiến viên ảnh già, danh vi hà đấng ?

Phục thứ, A-Nan, nhược thứ viên ảnh ly đấng biệt hữu, tác hợp bàng quan bình trưởng ký diên hữu viên ảnh xuất ; ly kiến biệt hữu, ưng phi nhân chúc, vân hà sanh nhơn mục kiến viên ảnh ?

Thị cô đương tri sắc thiết tại đấng, kiến bạnh vi ảnh ; Ảnh kiến eu sanh, kiến sanh phi bạnh ; chung bát ưng ngôn thị đấng thị kiến, ư thị trung hữu phi đấng phi kiến.

Như đệ nhị nguyệt phi thể phi ảnh, hà di cô ? đệ nhị chi quan, niết sở thành cô. Chư hữu trí già bát ưng thuyết ngôn thứ niết căn nguyên thị hình phi hình, ly kiến phi kiến. Thứ diệt như thị, mục sanh sở thành, kim dục danh thủy thị đấng. Thị kiến ? Hà hòng phân biệt phi đấng phi kiến !

(Vi hoàn)



# Kinh Diễn Nghĩa

KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM (Suramgama)  
(tiếp theo)

Ông A-Nan bạch Phật rằng: « Thưa Thế-Tôn, như lời Phật-Thế-Tôn vì bọn chúng tôi chỉ dạy về nhơn-duyên, tự-nhiên, các tướng hòa-hiệp và bất-hòa-hiệp, tâm tôi còn chưa rõ; đến nay lại nghe cái nghĩa « kiến kiến phi kiến » (1) thì lại càng thêm mê mẩn, cúi xin lòng hoàng-tử (2) của Phật ban cho chúng tôi cái đại-huệ-mục (3), khai-thị cho chúng tôi cái tánh sáng suốt trong sạch

1.) Kiến kiến phi kiến. — Kiến kiến phi kiến tùy theo căn-cơ vẫn có nhiều nghĩa :

a) Kiến-tánh chỉ năng-kiến phi kiến-tánh nghĩa là kiến-tánh phát ra kiến-tinh và kiến-duyên, tuy kiến-tinh kiến-duyên vẫn một thể kiến-tánh, song đã có chia rẽ thì cái kiến-tinh kia đâu phải là kiến-tánh.

b) Kiến-thê chỉ kiến-phần phi kiến-thê nghĩa là tự-thê phần chuyển biến ra kiến-phần và tướng-phần, song kiến-phần đâu phải là tự-thê-phần.

c) Kiến kỳ năng-kiến phi năng-kiến nghĩa là chứng-rõ cái năng-kiến bản-lai đồng một thể với cái sở-kiến, thiết không có gì dằng gọi là năng-kiến. Cái tánh không năng không sở kia đâu phải là cái năng-kiến.

d) Kiến kỳ kiến-tánh phi kiến-tinh nghĩa là khi chứng-rõ kiến-tánh không năng không sở thì kiến-tánh đâu phải thiết là kiến-tinh.

Bốn nghĩa ấy tùy cơ mà hiểu, nghĩa nào cũng đúng với chánh-pháp cũ.

2.) Hoàng-tử nghĩa là đức từ rộng lớn.

3.) Đại-huệ-mục nghĩa là con mắt trạch-pháp thù-thắng, tức là cái trí lựa chọn chánh-pháp rất sáng suốt.

của giác-tâm (1) ». Nói lời ấy rồi, khóc lóc đĩnh lễ, hầu vâng lãnh thánh chỉ của Phật.

Khi bấy giờ, đức Thê-Tôn thương xót ông A-Nan cùng trong đại-chúng, sắp muốn diễn bày phép đại-đà-la-ni (2), đường diệu-tu-hành các môn Tam-ma-đề (3), nên bảo ông A-Nan rằng: « Ông tuy nhớ lâu, song chỉ lợi ích về mặt đa-văn, chứ về chỗ quán-chiếu vi mật của phép Xa-ma-tha (4), tâm ông còn chưa rõ ; ông hãy lắng tai nghe, tôi sẽ vì ông mà khai-thị cho và cũng làm cho kẻ hưu-lậu đời tương-laiặng quã Bồ-Đề.

Ông A-Nan, hết thấy chúng-sanh luân-hồi trong thế-gian là bởi hai cái kiến-vọng điên-đảo phân-biệt (5), đương-xứ

---

1.) *Giác-tâm* là cái tâm rõ biết. Về đoạn này hai chữ giác-tâm riêng chỉ về cái chơn-tinh hay cái chơn-tâm.

2.) *Đại-đà-la-ni*.— đại là lớn, đà-la-ni là tiếng Phạm, Tàu dịch là tổng-tri ; tổng-tri hết thấy các pháp nên gọi là đà-la-ni. Phép đại-đà-la-ni đây là phép Thủ-lăng-nghiêm.

3.) *Tam-ma-đề*.— Tam-ma-đề là tiếng Phạm, Tàu dịch là đẳng-tri, tức là các quã của sự tu chơn-định.

4.) *Chỗ quán chiếu vi mật của phép Xa-ma-tha*.— Xa-ma-tha Tàu dịch là chỉ ; tâm an-trụ nơi nhất cảnh, tâm duy một cảnh thì gọi là Xa-ma-tha. Chỉ với quán có khác, song về lối tu liễu-nghĩa thì thường tịch thường chiếu, tịch chiếu bất nhị, chỉ với quán đồng tu một lần, chỉ tức là quán, quán tức là chỉ, không thể rời nhau, nên định Thủ-lăng-Nghiêm tuy là chỉ mà vẫn có cái quán chiếu rất thâm diệu. Nhờ chỗ quán chiếu thâm diệu đó mới chứng đặng pháp-tánh.

5.) *Kiến-vọng điên-đảo phân-biệt* là cái vọng nơi kiến-tinh phân-biệt trái ngược, không đúng sự thật.

mà phát sanh (1), đương nghiệp mà xoay vần thay đổi (2).

Làm sao gọi là nhị-kiến? Một là cái vọng-kiến biệt-nghiệp (3) của chúng sanh, hai là cái vọng-kiến đồng-phận (4) của chúng sanh.

Làm sao gọi là cái vọng-kiến biệt-nghiệp? Ông A-Nan, như người thế-gian con mắt có bệnh lòa thì buổi tối thấy nơi ngọn đèn riêng có bóng tròn năm sắc lớp lớp bao phủ. Ý ông nghĩ sao? Cái bóng tròn hiện ra nơi ngọn đèn khi ban đêm ấy là cái sắc của cái đèn hay là cái sắc của cái thấy?

Ông A-Nan, như cái đó là cái sắc của cái đèn, thì sao người không có bệnh lòa lại bằng đồng thấy, mà duy có người mắc bệnh lòa mới thấy cái bóng tròn ấy? Nếu nó là sắc của cái thấy, cái thấy đã hóa thành sắc-trần, thì cái thấy được bóng tròn của người lòa kia mới gọi bằng gì (5)?

Lại nữa, ông A-Nan, như cái bóng tròn kia ly cái đèn mà riêng có, thì lẽ đáng xem hai bên nơi bình phong, trướng-ghế, bàn cũng phải có bóng tròn hiện ra. Nếu ly cái thấy

1) *Đương xứ mà phát-sanh* là chính nơi chỗ điều-đạo phân-biệt đó mà hiện ra các cảnh-giới.

2) *Đương nghiệp mà xoay vần thay đổi* là trong khi hiện ra cảnh-giới lại tùy theo nhơn mà hiện ra quả, nhơn sanh quả rồi quả lại làm nhơn, xoay vần mãi mãi.

3) *Biệt-nghiệp* nghĩa là nghiệp riêng của mỗi mỗi chúng sanh.

4) *Đồng-nghiệp* là nghiệp chung của một phần chúng sanh, như loài người đều hưởng-thọ cảnh-giới nghiệp người, như tu-la đều hưởng-thọ cảnh-giới tu-la, vân vân.

5) *Cái thấy đã hóa thành sắc-trần, thì cái thấy được bóng tròn của người lòa kia mới gọi bằng gì.*— Người lòa thấy hình tròn, nếu cái hình tròn kia tức là cái năng kiến, thì còn biết gọi cái thấy hình tròn bằng cái gì nữa.

mà riêng có thì lẽ không phải con mắt thấy được, làm sao người lòa lại thấy được bóng tròn ?

Vì vậy, ông nên biết rằng sắc thiệt ở nơi đèn và cái thấy có bệnh làm ra bóng tròn. Cả cái bóng tròn và cái thấy kia đều là lòa, song cái nhận thấy rằng lòa đó vốn không phải có bệnh; rốt cuộc ông chẳng nên nói là đèn hay là thấy, ở trong ấy còn có cái « chẳng phải là đèn và chẳng phải là thấy (1) ».

Vì như cái đệ-nhị-nguyệt, nó chẳng phải là thể, cũng chẳng phải là bóng của mặt trăng; vì sao? Thấy có cái đệ-nhị-nguyệt là vì dui mắt mà thành ra vậy; các người có trí chẳng nên nói rằng cái căn-nguyên nơi cái dui kia là hình hay phi-hình, lý cái kiến hay phi-kiến (2). Cái bóng tròn đây cũng vậy, nó chỉ do lòa mắt mà thành ra, thể còn biết gọi cái gì là đèn là thấy, huống nữa là phân biệt rằng phi cái đèn hay phi cái thấy.

(còn nữa)

## VIÊN ÂM

1.) *Cái « chẳng phải là đèn và chẳng phải là thấy ».*—  
Cái ấy là cái bệnh lòa hoặc là cái nhận biết bệnh lòa.

2.) *Là hình hay phi-hình, lý cái kiến hay phi-kiến.*—  
Vốn một mặt trăng, dui con mắt mà thấy ra hai; nếu gọi cái trăng thứ hai là hình mặt trăng, thì còn biết gọi cái thứ nhất là cái gì? song nếu nói nó là phi mặt trăng thì sao khi đêm tối không trăng, dui con mắt lại không thấy có đệ-nhị-nguyệt? Nếu nói nó là lý cái thấy thì làm sao lại còn thấy được nó, còn như nói nó là lý cái phi-kiến thì đem cái gì mà thấy nó.

Thiệt ra cái đệ-nhị-nguyệt chỉ là cái tương giả-đối do dui con mắt biến thành, chứ không phải thiệt có.



# LUẬN - HỌC

入 識 規 矩 頌

## BÁT THỨC QUI-CỦ TỤNG

(Lời tụng bát-thức qui củ)

(tiếp theo)

六 識 頌

## LỤC THỨC TỤNG

(Bài tụng về thức thứ sáu tức là ý-thức)

三 性 三 量 通 三 境

### Tam tánh, tam lượng, thông tam cảnh

(Đủ cả ba tánh ba lượng và thông cả ba cảnh).

*Giải nghĩa.*—Ba tánh là thiện-tánh, ác-tánh và vô-ký-tánh. Thuận theo chánh-lý, có ích-lợi cho mình hoặc cho kẻ khác về hiện-tại hay về vị-lai thì gọi là thiện; trái với chánh-lý, có tổn-hại cho mình và cho kẻ khác về hiện-tại hay về vị-lai thì gọi là ác; không thể chỉ riêng về bên thiện, cũng không thể chỉ riêng về bên ác thì gọi là vô-ký. Ý-thức khi thiện, khi ác, khi vô-ký nên đủ cả ba tánh.

Ba lượng là hiện-lượng, tỉ-lượng và phi-lượng. Ý-thức có hai món:

1.) *Minh-liễu ý-thức* 明了 tức là ngũ-cu-ý-thức 五俱意識 (từ nhãn-cu-ý-thức cho đến thân-cu-ý-thức), nghĩa là cái ý-thức rõ biết hoàn-cảnh, cùng năm thức trước đồng duyên với năm trần: sắc, thanh, hương vị, xúc. Minh-liễu ý-thức đủ cả ba lượng, song hiện-lượng về phần nhiều còn tỉ-lượng, phi-lượng về phần ít.

2.) **Độc đầu ý thức** 獨頭 nghĩa là cái ý-thức tự duyên căn-giới riêng của mình. Độc-đầu ý-thức có thể chia ra năm món :

a) **Tân-vị ý-thức** 散位 là cái ý-thức duyên với các tướng so sánh, với các danh-ngôn (tên gọi, lời nói), phân biệt giả dối mà cho là ngoại cảnh. Ý-thức này chỉ có tỉ-lượng và phi-lượng.

b) **Suy-trung ý thức** 推中 là cái ý-thức suy xét, duyên với các tướng tượng. Món này chỉ có tỉ-lượng và phi-lượng.

c) **Định-trung ý-thức** 定中 là cái ý-thức trong thuyên định, duyên với các cảnh trong định nên chỉ có hiện-lượng.

d) **Mộng-trung ý thức** 愛中 là cái ý-thức trong chiêm-bao, duyên với cảnh chiêm-bao mà cho là thiệt nên chỉ có phi-lượng.

e) **Cưỡng loạn ý-thức** 狂亂 là cái ý-thức trong những khi mê sảng điên cuồng, duyên với những cảnh mê hoặc mà cho là thiệt nên chỉ có phi-lượng.

Ý-thức khi thì hiện-lượng, khi thì tỉ-lượng, khi thì phi-lượng nên đủ cả ba lượng.

Ba cảnh là tánh-cảnh, đới-chất-cảnh và độc-ảnh-cảnh. Khi ý-thức cùng năm thức trước đồng duyên với hiện-cảnh, không so đo chấp nê, tức là duyên với tánh-cảnh. Khi ý-thức duyên với các lâm-vương, tâm-sở là duyên với đới-chất-cảnh. Khi ý-thức duyên với các tướng quá khứ, vi-lai, duyên với các món tướng-tượng tức là duyên với độc-ảnh-cảnh. Vì vậy nên gọi ý-thức là thông cả ba cảnh.

### 三界輪時易可知

#### Tam giới luân thời dị khả tri

(Đương khi luân hồi trong ba cõi cũng dễ biết được thức ấy)

**Giải nghĩa.** — Ba cõi là dục-giới, sắc-giới, và vô-sắc-giới. Các loài hữu-linh luân-hồi trong ba cõi đều có lục thức và cũng đều biết có lục thức một cách dễ dàng, vì bản-tướng của lục thức rõ rệt chứ không phải nhỏ nhiệm như đệ thất và đệ bát thức.

### 相應心所五十一

## Tương ứng tâm sở ngũ thập nhất

(Các tâm sở các thể tương-ứng gồm đủ 51 món)

*Giải nghĩa.* - Trong tám thức, duy có đệ lục thức là có thể tương-ứng với tất cả các món tâm-sở, từ biến-hành, biệt-cảnh tâm-sở cho đến thiện-tâm-sở, phiền não tâm-sở và bất định tâm-sở. Tương-ứng nghĩa là khế hiệp cùng nhau, ứng thuận cùng nhau; khi nào tâm-vương với tâm-sở đồng một tánh, duyên một cảnh, nương một chỗ, trong một-thời thì gọi là tương ứng.

### 善惡臨特別配之

## Thiện ác lâm thời biệt phối chi

(Gặp lúc ý thức riêng hiệp với thiện tâm sở hay ác tâm sở)

*Giải nghĩa.* - Ý thức đủ cả ba tánh, ba lượng, ba cảnh, lại hành-tướng thô-thiền rõ ràng nên có thể tương-ứng với tất cả các tâm-sở. Song các tâm-sở tánh hay trái nhau, không thể đồng phát khởi ra một lần được, như đương khi còn nghi thì không tin, mà khi đã tin thì không nghi nữa. Vì đó nên gặp lúc đối với thiện-cảnh thì ý thức tương-ứng với thiện-tâm-sở, đối với ác-cảnh thì ý thức tương-ứng với ác-tâm-sở chứ không phải trong một thời mà tương-ứng với tất cả các tâm-sở.

### 性界受三恠轉易

## Tánh, giới, thọ, tam, hằng chuyển dịch,

(Về tánh, về giới, về thọ ba món, ý thức thường hay xoay vần thay đổi)

*Giải nghĩa.* - Tánh có ba tánh là thiện, ác và vô-ký; giới có ba giới là dục-giới, sắc-giới và vô-sắc-giới; thọ có ba thọ là khổ-thọ, lạc-thọ và xả-thọ. Ý thức khi lãnh, khi dữ, khi vô-ký; khi trong định thì lìa lúc

chúng đến cảnh-giới tứ thuyên, tứ không, khi xuất-định thì vẫn là ý-thức của dục-giới; ý-thức lại khi thì lãnh-thọ các sự khổ, khi thì lãnh-thọ các sự vui, khi thời bỏ qua không lãnh-thọ là vui hay là khổ; nên gọi ý-thức là thường hay xoay vần thay đổi về ba món lãnh, giới và thọ.

### 根隨信等總相連

#### Căn, tùy, tín, đẳng, tổng tương liên

(Các ác tâm-sở như căn-bản-phiền-não, tùy-phiền-não các thiện-tâm-sở như tín-tâm-sở thấy, đều cũng thay đổi liên nhau).

*Giải nghĩa.*— Đệ-lục-thức đã thường hay xoay vần thay đổi thì các tâm-sở cũng tùy theo lục-thức mà xoay vần thay đổi, như ý-thức dương lành thì các thiện-tâm-sở phát-khởi, đến khi ý-thức đổi ra dữ thì các ác-tâm-sở lại phát-khởi.

### 動身發語獨爲最

#### Động thân phát ngữ độc vi tối

(Động thân-thể, buôn lời nói, phần nhiều do một mặt ý-thức sai sử).

*Giải nghĩa.*— Động thân-thể là về thân-nghiệp, buôn lời nói là về ngữ-nghiệp. Thân có cử-động, miệng có nói năng mới có các lối hành-vi, mới gây ra các sự nghiệp, có thể làm lợi ích hay làm tổn hại cho mình và cho kẻ khác; mà đã là có nhưn thì có quả nêg gọi là thân-nghiệp và ngữ-nghiệp.

Song thân không thể tự động, miệng không thể tự nói, thân và miệng là bộ máy để cho ý-thức sai khiến. Ý-thức đối với cảnh-giới có phân-biệt, có lãnh-thọ lại biết xét nghĩ so đo chỗ lợi, chỗ hại, chỗ hay, chỗ dở, nào được, nào thua, nào phải, nào quấy và biết tính toán những phương-pháp hành động. Đến khi ý-thức quyết định rồi, mới do tư-tâm-sở phát ra lời nói và cử-động

thân-thể để đối phó với hoàn-cảnh, khi thì lại gần, khi thì tránh xa, khi thì giúp đỡ, khi thì đánh phá, khi thì chê bai, khi thì khen ngợi, gây ra những sự lợi ích hoặc tổn-hại cho mình và cho kẻ khác. Lối tác dụng của ý-thức như trên thì gọi là ý-nghiệp.

Bát-thức và thất-thức không lãnh lợi, chỉ một mặt tiếp tục xoay vần theo hiện-nghiệp nên tuy có thể giúp ý-thức tạo nghiệp mà không thể tự mình tạo nghiệp được. Năm món thức trước tuy cũng rõ biết ngoại-cảnh, nhưng không coi xét được rõ ràng nên cũng chỉ có thể giúp ý-thức tạo nghiệp mà thôi. Vậy thì biết về phần tạo nghiệp, duy ý-thức là có thể trực-tiếp phát-động.

Trong câu này nói động thân phát ngữ là nói về nghiệp người, song trên vô sắc-giới không có thân, ý-thức cũng vẫn tạo nghiệp; đó là vi thân-nghiệp ngữ-nghiệp đều phải do nơi ý-nghiệp, mà ý-nghiệp thì có thể phát khởi riêng một mình, không cần phải động thân phát ngữ.

### 引滿能招業力牽

#### Dẫn mãn năng chiêu nghiệp lực khiên

(Về dẫn-nghiệp và mãn-nghiệp, ý-thức chiêu-cảm được cái nghiệp lực dắt đi thọ báo).

*Giảng nghĩa.* — Nghiệp có nhưn có quả, khi hành động là gây nghiệp-nhưn, đến khi thọ báo à chịu nghiệp quả. Nghiệp có thể chia ra dẫn-nghiệp và mãn-nghiệp. Dẫn-nghiệp là nghiệp-báo chung, dắt đi thọ-sanh cõi này cõi khác. Mãn-nghiệp là nghiệp-báo riêng như đồng một nghiệp người mà có kẻ sang người hèn, kẻ yếu người mạnh vùn vùn.

Ví dụ như gây nghiệp thập ác thì phải đọa vào Địa-ngục, làm nghiệp thập-thiện thì được sanh về chư-Thiên, những nghiệp như vậy thì gọi là dẫn-nghiệp; còn như ư

bổ-thí thì về sau được giàu có, hay rít rầm thì về sau phải nghèo cực, người tranh chánh thì về sau diện mạo đoan trang, kẻ phóng-đản thì về sau mặt mũi thô kịch, những nghiệp như vậy thì gọi là **mẫn-nghiệp**.

Dần-nghiệp là chủ, mẫn-nghiệp mà phụ; vì dần-nghiệp, mẫn nghiệp mà các loài hữu-tinh phải luân-hồi trong sáu đường, mà dần-nghiệp, mẫn-nghiệp phần nhiều đều do ý-thức gây ra cả. Ý-thức gây ra nghiệp-nhơn, có nghiệp-nhơn thì có nghiệp-quả, chỗ chiêu cảm như vậy, trong ấy thiệt không có ông nào giữ quyền thưởng phạt cả.

Lại các nghiệp dắc đi đầu thai là những nghiệp có sức mạnh hơn, là những nghiệp đã tập lâu thành thói quen, nên duy có ý-nghiệp là đủ thế-lực chiêu cảm quả báo về sau mà thôi.

### 發起初心歡喜地

#### Phát khởi sơ-tâm hoan-hỷ-địa

(Bực hoan - hỷ - địa mới phát - khởi sơ - tâm)

*Giải nghĩa.* — Hoan-hỷ-địa tức là sơ-địa Bồ-Tát. Các bực này đã dứt được hai món phân-biệt-ngã-chấp và phân-biệt pháp-chấp, hiện chứng một phần chơn-như nên vui mừng không chỉ bằng, vì vậy nên đặt tên bực này là Hoan-hỷ-địa hoặc là Cực-hỷ-địa. Về bực này, ý-thức đã bắt đầu tương-ung với diệu-quán-sát-tri. 妙觀 樂智

### 俱生猶自現纏那

#### Cu sanh do tự hiện triển miên

(Hai món cu-sanh còn hãy hiện dương dây-dưa miên phục)

*Giải nghĩa.* — Hai món cu-sanh là cu-sanh-ngã-chấp và cu-sanh-pháp-chấp. Nơi sơ-địa, hai món ấy hiện-hạch dương còn nên gọi là triển, chúng-tử chưa sạch nên gọi là miên; đó là vì bực sơ-địa chưa được thường an-tru trong cảnh-giới nhị-không-chơn-như 二空 真

如 nên tuy đã đoạn được các chấp phân-biệt mà chưa đoạn được các chấp không-phân-biệt, tức là các món cu-sanh vậy.

遠行地後純無漏

### Viễn-hành-địa hậu thuần vô-lậu

(Sau viễn-hành-địa thì đệ-lục-thức thuần là vô-lậu)

*Giải-giã.* — Viễn-hành-địa tức là thất-địa Bồ-Tát. Về bậc này các món phiền-não-chương, sở-tri-chương trong tam-giới không còn hiện-hạch nữa, nên ý-thức đã thường tương-ương với diệu-quán-sát-tri. Tuy vậy, đệ-thất-địa còn có công-dụng, chưa thuần là vô-lậu ; đến sau đệ-thất-địa tức là đệ-bát bất-động-địa thì mới thiết an-tru nơi cảnh-giới nhị-không-chơn-như, không có công-dụng và ý-thức mới thuần là vô-lậu.

觀察圓明照大千

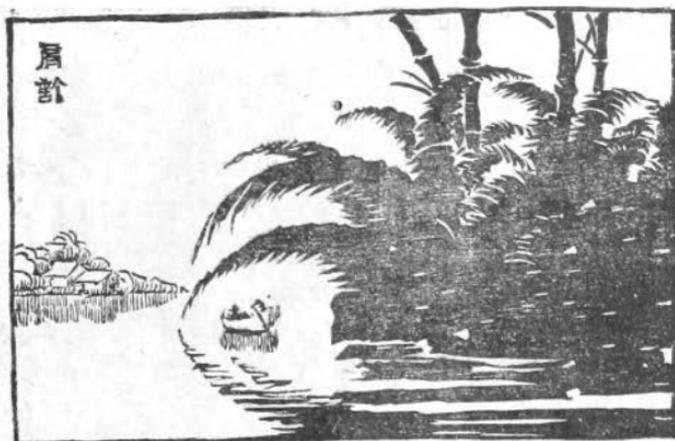
### Quan sát viên minh chiếu đại thiên

(Trí quán-sát viên-mãn sáng suốt, soi khắp đại-thiên, thế-giới)

*Giải-giã.* — Trí quán-sát tức là diệu-quan-sát-tri. Trí này viên-mãn thanh-tịnh, soi khắp thực-tướng của các pháp, rõ thấu vô-lượng pháp môn, đủ cả thần-hùng diệu-dụng, vô ngại biện tài, như lý như lượng mà hiện ra các phương-tiện, tự-tại thuyết-pháp, phá tan các đều nghi-hoặc khiến cho tất cả chúng sanh đều được lợi ích trên con đường tu tập. Diệu-quan-sát-tri rộng lớn bao dung, chẳng những độ sanh trong một thế giới mà thôi. Cả đại-thiên thế-giới, nghĩa là cả 1.000.000.000 thái-dương-hệ, diệu-quan-sát-tri đều có thể soi khắp cơ-cảm của tất cả chúng sanh mà hóa-độ, mà không lúc nào rời cảnh giới nhị-không-chơn-như và đạo vô-công-dụng của chư Phật.

(còn nữa)

VIÊN-ÂM



# THI-LÂM

Bài nguyên tác của Cụ Hiệp Kinh-Tế Nguyễn-khoa-Tướng-Công

Lúc trẻ ham vui cảnh với tình,  
 Bây giờ trở lại đất Thần-Kinh  
 Thơ tre Vỹ-dạ chuông Thiên-mụ,  
 Rượu nước Hương-Giang gió Ngự-bình.  
 Vẫn có mây râu ra hạng lão,  
 Ai hay son phấn tới bên mình.  
 Phần ngày Kinh-tế đêm kinh Phật  
 Một tấm lòng cầu nguyện chúng-sinh.

*Phụng họa nguyên vận*

Một tấm lòng son trái thế-tinh,  
 Vào Nam ra Bắc lại về Kinh,  
 Ôn sâu còn thắm lòng sông Cả,  
 Công lớn nay ghi đá núi Bình,  
 Đem trí Viên-minh soi nghiệp-chúng,  
 Mở đường phương-tiện cứu dân mình.  
 Rõ tài Kinh-tế trong kinh Phật,  
 Thỏa dạ trông nhờ kẻ vẫn sinh.

LÊ-MAI-ĐÌNH

*Nghe kinh xin sám-hối.*

Nam-mô kinh lạy đức Di-đà,  
Xin chứng minh cho kẻ tại-gia.  
Vì mỗi trần-duyên còn vương-viu,  
Nên mùi thối-vị phải xen-pha.  
Chày kinh chuỗi hạt chưa lần tới,  
Khúc kệ câu kinh mới đọc qua.  
Song đã lên chùa nên mật niệm,  
Nam-mô kinh lạy đức Di-đà.

Nam-mô kinh lạy đức Di-đà,  
Giới luật xin theo lấy một và.  
Đã có danh trong phướng Thiện-tín,  
Đừng cho tâm lạc nẻo dâm tà.  
Lòng trần chưa sạch tu rồi sạch,  
Cửa Phật tuy xa ngõ chẳng xa.  
Bể Hoạn chờ khi thuyền tới bến,  
Áo-xiêm sẽ đổi lấy Cà-xa.

*Họa nguyên vận và tự thuật*

Cũng xiêm cũng mấn cũng nâu da,  
Cũng bạn quan-gia cũng Phật-gia.  
Giọt nước cảnh dương trôi lạo lạo,  
Tràng hoa áo gấm nhuộm pha-pha.  
Con đường danh lợi còn đeo đuôi,  
Mùi đạo tu hành mới nếm qua.  
Nửa mấn nửa chay chay lở mấn,  
Cũng xiêm cũng mấn cũng nâu da.

## LỄ PHẬT ĐẢN

### Diên hát lễ của Đồng-ấu

(Đồng-ấu ở trong chùa sắp hàng hai đi ra, hát bài

*Xàng-Xê* :

Nhớ mồng tám tháng tư này hội này,  
 Lễ Phật-đản mừng hôm nay,  
 Ngời rạng ngời chói,  
 Rực rỡ phổ bày.  
 Chí tâm thành kính, \*  
 Trầm hương bay,  
 Hoàng thệ trùm khắp,  
 Bông lớn chi tày  
 Quyết tu hành đặng,  
 Liên-đài hiệp vầy,  
 Nhớ mồng tám tháng tư này hội này...

2) Đồng-ấu bài bang trước bàn Phật và hát bài

*Quốc-Ca*:

Thấy, xem thấy quần sanh chim đấm,  
 Nơi Ta-bà Ta-bà cõi này,  
 Phật thị hiện về tháng tư ngày mồng tám,  
 Là lễ mừng vía hôm nay,  
 Khắp nơi hương đượm,  
 Trầm xông ngào ngát,  
 Vận khói thơm vôi vọi,  
 Đai sen trang nghiêm rạng,  
 Toàn đạo trang vẽ vang thay,  
 Thích-Ca tư phụ, ngải ra đời cứu độ  
 Chúng sanh đều vượt,  
 Vòng vô lượng vô lượng phước  
 Ân vô lượng vô lượng dày.  
 Nguyễn đồng đặng tu thành Phật đạo.

3) Đồng-ấu qui dâng hương hoa và tán theo điệu

*La-liệt* :

Hương hoa cung kính cúng dường Phật,  
 Dạy nguyện từ bi ai nạt thọ.

4) Đồng ấu đứng dậy và hát

a) *Hải triều âm*

Trầm hương đốt, xông ngát mười phương,  
 Nguyễn kinh đức nghiêm từ vô lượng.

Cầu xin chúng tâm thành chúng tôi,  
 Vạn khói kết mây lành cùng đường,  
 Đạo nhiệm-mầu đã tuyên truyền nơi cùng nơi,  
 Nhờ chơn lý chúng sanh đều thoát luân hồi,  
 Đồng quy kính quý dưới đài sen,  
 Dâng hoa thơm tịnh khiết mẫu thắm tươi cành,  
 Đài quang-minh xem huy hoàng trang nghiêm,  
 Oa mười phương điều ngự, hào-quang an lạc,  
 Nghìn đạo uyển chuyển soi khắp quần sanh,  
 Phật đạo đồng cùng nhau tụ tịch tấn, mau viên thành,  
 Nam-Mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật,  
 Nam-Mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.

b) *Bi hoa*

Đầy đây quần sanh đường đời làm mê,  
 Chơi vui bề khổ kiếp kiếp trầm luân,  
 Xoay theo sanh tử luân hồi,  
 Giàu lòng từ-bi Phật thị hiện về,  
 Tường bày chơn lý nơi nơi đều độ,  
 Mong ơn hồng thế, chúng tôi nguyện xin ghi đền.

- 5) **Đồng ấu đi nhiều và hát bài *Ngũ-đôi-thượng***  
 Nay chúng tôi ngày nay,  
 Tự tánh thành kính.....

(Xem Viên Âm số 12)

- 6) **Đồng ấu bài ban lại, niệm hiệu và lạy :**  
 Nam mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni-Phật  
 (niệm ba lần, lạy ba lạy)

- 7) **Đồng ấu đứng dậy và hát bài *Ca-lăng-minh***

Ngày kia ngày viên-mãn, liên-tri hoa khai,  
 Đồng thấy Phật, trọn, trọn vẹn nguyên,  
 Mừng mừng mừng, vui vui vui,  
 Mười phương sáng ngời,  
 Hào quang xoay xoay, ánh mây,  
 Hào quang xoay xoay, chói trời,  
 Vô lượng chư Phật,  
 Hiện về rực rỡ trang nghiêm,  
 Kim đài hương ngát thơm đầy,  
 Thiên-nhạc, khoan nhặt trầm bổng,  
 Nhẹ nhàng tiếng rập ràng êm dịu dàng,  
 Tràng phan đua : xanh, đỏ, vàng xen hàng bảo cái,  
 Huy hoàng vô biên hầu theo Phật,

Rang, rang rang ngời.

Xui mọi người, phát nguyện Bồ-Đề.

8) Đồng ấu qui và tụng bài *phát nguyện*

Chúng tôi kính lạy quy-y theo Đức Phật Thích-Ca,  
Đức Phật A Di Đà..... (Xem Viên Âm số 11)

9) Đồng ấu đứng dậy xoa thủ và hát bài *Long ngâm*,  
trông khi hát cổ lạy một lạy :

Trang nghiêm bầy.

Kính mừng.

Đức Thích Ca.

Ngự trên tòa sen báu..... (Xem Viên Âm số 12)

10) Đồng ấu chấp tay và sám bài *Tam tự quy*

Tự quy y Phật..... (Xem Viên Âm số 11)

11) Đồng ấu bái tạ đi vào hát bài *Đãng dăng cung*

Vui mừng gặp ngày nay.

Mồng tám tháng tư..... (Xem Viên Âm số 12)

HẾT

## Sông-Hương

Chúng tôi vừa được tin tờ báo *Sông-Hương* do ông Phan-Khôi chủ-trương sẽ ra số đầu vào ngày 1ét Aout 1936.

*Sông-Hương* sẽ chuyên về văn-học và khoa-học, tuần lễ ra một kỳ vào ngày thứ bảy.

Tòa-soạn : 80 đường Gia-Hội Huế

GIÁ	{	mỗi số.....	0\$05
		một năm.....	2.40
		nửa năm.....	1.20

Chúng tôi xin chào bạn đồng-nghiệp và giới thiệu cùng bạn đọc.

VIÊN-ÂM

# THẬP PHƯƠNG LAI CẢO

## A. — Lai-cảo của tín-đồ nam-giới đối với Phật-học

### I.) Trúng là đồ chay hay đồ mặn?

(Định nghĩa thêm cho bài nói về vấn-đề này trong  
Viên-Ấm số 19)

Muốn biết trúng là món thuộc về đồ chay hay đồ mặn thì trước hết phải hiểu cái bản-chất của nó rồi mới có thể định nghĩa được. Chớ theo tục lệ của nước này nước kia mà nói chay hay nói mặn rồi mình cũng cứ theo đó mà bắt chước thì không đủ nghĩa mà giải quyết. Mỗi người sanh ra đều có mỗi khối óc tư-tưởng, thì tự mình phải tư tưởng, phải suy nghĩ, phải phân biện, phải quyết định để tìm cái nghĩa lý trong mỗi việc, chớ mình bắt chước người này hoặc theo người kia, thì khối óc của mình, bộ máy tư tưởng của mình để làm chi? Học đạo tức là luyện tập bộ máy tư tưởng của mình cho có năng-lực, cho tinh túy để đặng làm chủ lấy mình và tự quyền trong khi hành động.

Trúng là đồ chay chăng? thì nó không phải là chất thảo mộc, nó không phải lá, không phải thân cây, không phải trái, không phải rễ...., mà nó không phải là đồ dưới đất mọc lên nữa, vậy thì không thể nói nó là chay được.

Không chay thì mặn chăng? chắc thế, vì không chay thì mặn chớ nói ngã nào nữa. Nhưng làm sao lại mặn? nó không phải là thịt, không phải là xương, không phải là máu huyết, không phải là con vật, không có đầu, không có đuôi, không có thân mình, không có lông da, không

có mặt mũi, không có hành động, không biết sống, không biết chết, không biết đau đớn, không biết cảm giác, thế thì làm sao nói nó là mặn được? Thế thì nó là không chay mà cũng không mặn chẳng? Thế thì gọi nó là « món không chay không mặn »? Nói thế cũng không quyết định được, vì có món chỉ là món hai hai « không chay không mặn »? Bây giờ hãy lấy hai lý sau này định nó là món mặn thì đúng hơn: Một là nó là một món ở trong con loài vật mà ra, hai là chất nó là chất máu huyết vì nó sẽ làm ra con vật. Vậy đã gọi là ăn chay thì không còn kể món trứng vào.

Ấn trứng có phạm tội sát sanh không?

Sát sanh nghĩa là giết sống. Vật gì có sự sống và có cảm-giác mà mình giết thì phạm tội sát sanh. Trứng là một chất nguyên thủy chưa có sự sống và chưa có sự cảm-giác thì ăn nó cũng được. Nhưng đã là học đạo thì phải trọng quyền sanh hóa của muôn loài vạn vật. Mình ăn trứng thì làm mất sự sanh hóa của loài vật, phạm luật công bình và mất bớt lòng nhơn. Vậy thì đối với người chơn tu không nên ăn trứng.

Những người mới học đạo từ nhỏ đến lớn ăn mặn đã quen, nếu bây giờ dứt ngang cá thịt thì sợ có sự trở ngại cho việc điều hòa của máu huyết trong thân thể, nên lúc đầu cũng dùng đỡ trứng rồi lần lần dùng ăn nửa.

Trong việc ăn chay có biết bao nhiêu món bổ hơn trứng nhưng tại mình không chịu tìm kiếm đó thôi. Chúng ta cũng biết khi bệnh uống thuốc thì lành, trừ ra các thứ trị bệnh, còn khi lành rồi thì uống thuốc bổ, những thứ thuốc bổ ấy phần nhiều là chất thảo mộc hết, xem vậy thì thảo mộc bổ dưỡng nhiều lắm. Các nước văn minh bên Âu-Tây họ xu-hướng về đường vật chất nhiều hơn, mà đến khi họ học đạo họ cũng ăn chay trường, nhưng họ nghiên cứu về nghề thảo-mộc-học, nhờ vậy mà họ biết các thứ nào bổ dưỡng nhiều hơn rồi họ lập nên những sở trồng trọt về các món ăn chay. Ở nước

ta các món ăn chay thuộc về lá như các thứ rau, các thứ đồ hột, các thứ đồ trái, các thứ nấm vân vân, nếu ai có công nghiên cứu về các món ăn chay như các nước bên Âu Tây thì cũng có ngày thiết hiện được cái công suy tầm nghiên cứu của mình và giúp ích cho sự sống về đường tu hành nhiều biết mấy. Chúng ta cũng ước ao đều đó lắm.

Tôi còn nhớ trong tạp chí Niết-Bản số 30 có bài « Nam-kỳ thảo mộc thực hội » của ông Bình-Tâm đăng cổ động về việc nghiên cứu các món ăn chay và lập chi nhánh trồng trọt trong mỗi tỉnh để tiện bề ăn chay cho các nhà tu hành. Ông Bình-Tâm có ý kiến rất hay, và cũng là một điều đáng mừng trong việc ăn chay, song tiếc thay chưa có ai hưởng ứng theo ông nên mục đích không thiết hiện được. Tôi rất trông mong các nhà đại đức cao minh và các nhà có não thực-tế đều có được chí hướng như ông Bình-Tâm thì sau này sẽ có một việc rất may mắn trong đường tu tập.

THANH TÂM

Phare kéga — Phanhiết.

## II.) Cảm-tình đối với TIẾNG CHUÔNG SỚM

LỜI TÒA-SOẠN.— Chúng tôi tiếp được số 24 của Tiếng-Chuông-Sớm cho hay rằng tạp chí ấy đình-bản vì tài-chánh eo hẹp và độc-giá không trả tiền, chúng tôi rất cảm động.

Nguyệt-san về Phật-học trong xứ ta không bao lâu mà đã mất đi một, thiệt công việc hoằng-pháp trong thời-đại mặt-pháp này cũng khó khăn lắm.

Song Tiếng Chuông Sớm đình-bản tuy nói về tài-chánh, nhưng cái nguyên-nhơn của sự thiếu tài-chánh là vì thiếu nhơn-tài trong việc hoằng-pháp. Ở xứ ta, trong Sơn-môn tuy nhiều người kinh tạng thông suốt lại kém về văn-tự, còn ngoài cư-sĩ thì tuy văn-tự được phần lưu lợi lại kém về giáo-lý, nên khó tìm nhơn-tài để hoằng-pháp lắm. Nói đến đây chúng tôi nhớ lại ba vị hoằng-pháp rất có ảnh-hưởng trong Hội Phật-học chúng tôi là thầy Tịnh-Hạnh, thầy Mật-Khế.

thầy *Chánh-Túc*, đã nối nhau viên-tích trong khoảng hai, ba năm mà chỉ xối bụi ngài thương xót cho chúng sanh trong đời mạt-pháp. Song đời mạt-pháp hay đời chánh-pháp đều do tâm tạo, nếu chúng ta gắng sức làm Phật-sự thì cũng có thể chuyển đời mạt-pháp ra đời chánh-pháp được. Đương buổi pháp-nhuộc ma-cường này, các vị chân chánh Phật-tử hãy gắng sức nâng cao cái tinh-thần hó-pháp, nhận cái công việc truyền-bá chánh-pháp là bổn-phận của mình; người thiếu văn-tự thì gắng tập rèn văn-tự, người thiếu giáo-lý thì gắng tham-cứu giáo-lý đặng đủ sức mà thi hành cái chí nguyện hoằng-pháp. Chúng ta lại phải chăm lo đào-tạo cho nhiều nhân tài hoằng-pháp về tương-lai, mong sao một ngày kia giọt nước cam-lộ rưới khắp cõi Ta-Bà, chớ không nên thấy những sự trở ngại mà thối-lạt.

Lời của ông Tài-Tùng Cư-sĩ tuy nghiêm khắc nhưng có phần đúng với sự thật, chúng tôi trông mong các ngài chủ-động trong Tòa-soan tạp-chí *Tiếng Chuông Sớm* chuyên tâm nghiên-cứu giáo-lý trong một vài năm đề về sau đứng lên khua động tiếng chuông nhà Phật-trước báo đáp công đức của Thích-Ca từ-phụ, sau khỏi phụ lòng ước vọng của các vị độc-giã.

Nam-mô Hộ-pháp Bồ-Tát Ma-fla-Tát

Vừa đây ngu-giã tiếp được tạp-chí « *Tiếng Chuông Sớm* », số 24 ngày 21 Mai 1936, có đăng lời tuyên bố rằng tạm nghỉ sự xuất bản, vì tài-chánh eo hẹp và độc-giã không trả tiền mua tạp-chí ấy.— Ngu-giã thấy vậy mới sanh lòng cảm-tưởng mà tỏ ít lời thổ-lộ ra đây, gọi là lẩn chút tình chơn thành đối với « *Tiếng Chuông Sớm* », họa may có đôi chút bổ-ích trong khi trừ-phương tái-tạo.

Vả chẳng non-loại đương ở trong thế-kỷ thứ 20 này, vật chất trau dồi, tinh thần kém sút, triết lý của Phật-giáo đã suy đồi, còn học-thuyết của thiên-ma càng sôi nổi.— May đầu mấy năm nay nhiều Phật-học tạp-chí kế tiếp ra đời, nào là « *Từ-bi-Âm* » vệt màng ra trước, rồi kế đó nào là « *Viên-Am* » nào là « *Tiếng Chuông Sớm* », nào là « *Đuốc-Tuê* » nào là « *Duy-Tâm* », nào là « *Bát-Nbā-Âm* », nối gót tiếp theo, kẻ gọi người kêu, vang rần trong ba cõi, làm cho những kẻ đương say duyên đắm cảnh trong cái bầu không khí nặng nề phải dứt mình tinh dậy mà lãnh thụ được đôi chút mùi pháp-vị. Thiệt là may biết bao!— Thiệt là mừng biết bao!

Trên cái phương diện hoàng-pháp đó, thì « Tiếng Chuông sớm » cũng có một phần trách-nhiệm lớn lao, nên chỉ ra tay đào chú cũng lắm công-phu\* nào là mượn thợ, nào là đắp lò, nào là lựa đồng, nào là thử dụng công trình tính lại nào phải ít đâu.

Tuy khác với tiếng « Từ bi » van rên trên biển chơn-như, không giống với tiếng « Viên Âm » hòa nhã trong nguồn lý tánh, chớ cũng một tiếng chuông cần kíp cho hành-giả trong khoản mai chiều đem đồng trầm, để thức tỉnh cho chúng sanh trong cơn túy-mộng.

Thế là tiếng chuông ấy động trong lúc bình minh thì nghe khắp cả ba Kỳ, cái năng lực của nó như vậy nào có phải là nhỏ đâu.

Rúa mà các ngài chủ động của « Tiếng Chuông Sớm » đã hết sức ra công gây dựng mà không biết cách giữ gìn, nỡ đem cái chuông quý báu của Cổ-Sơn-Môn mà cho kẻ độc thù mượn đánh riêng trên trường bút chiến, gây ra sự bất bình, mới khiến cho độc-giả phải sanh lòng chán ngán nên chỉ chưa được mấy lúc mà đã tạm nghỉ hơi.— Thiệt cũng độc thay cho kẻ cầm dùi, mà cũng cảm cảnh thay cho cái vận mạng của « Tiếng Chuông Sớm ».

Nghĩ thử coi.— Các báo chí ở Nam-kỳ thiếu cái, sao không thấy đăng những việc thù riêng của mấy vị tăng-giả ở trong xứ ấy, lại « Tiếng Chuông Sớm » ở Bắc-kỳ, đường sá cách xa ngàn dặm mà nghe lời những kẻ đê-hèn ấy đăng vào làm chi làm phiền độc-giả như vậy.

Còn như Hòa-Thượng Lê-khánh-Hòa (L. T. S. — Về việc này, chúng tôi có gửi thư hỏi rõ Hòa-Thượng Lê-Khánh-Hòa, thì thiệt ngài chưa hề có công-kích ai cả Những bài kia là bài của hàng đệ-tử, sau khi hầu chuyện cùng ngài, chưa rõ hết ý, lại mượn tên ngài mà gửi đăng đó thôi.) làm Chánh chủ bút tạp chí « Duy-Tâm », muốn công kích bay là trả lời đều chi, sao không đăng trong « Duy-Tâm » của mình, lại mượn Tiếng Chuông Sớm » đăng giùm như vậy.

Nếu các ngài trong Cổ-Sơn-Môn ở Bắc-Kỳ biết đến mưu kế ấy, thì đâu có cho đăng vào « Tiếng chuông Sớm » những bài lai cáo nói việc cá nhân đó. Như vậy thì đủ biết « Tiếng Chuông Sớm » làm tay độc-thủ của bạn đồng-nghiep mà không hay, để đến nỗi nửa chừng chuông rạt tiếng cảm, mà đành phải ôm lòng chịu thiệt.

Chính như ngu-giả đây là bạn đọc thân thiết của « Tiếng Chuông Sớm » mà cũng một tay cò-dộng cho « Tiếng-Chuông-Sớm » nữa ; song đi đến đâu, thì nghe người ta đều than phiền cho « Tiếng Chuông Sớm » rằng sao hay đăng chuyện nhảm-nhỉ của cá-nhơn, mà làm nhảm chán cho độc giả.

Họ trách cũng phải lắm đó. — Chuông chi mà nghe như tiếng nộ đao, chuông chi mà nghe như luôn trước-khí, nên ai ai cũng chán biết rằng « Tiếng Chuông Sớm » là tiếng chuông của cá-nhơn, chứ đâu có phải tiếng chuông của nhà Phật. Vì vậy mà kẻ chưa mua cũng không muốn mua, còn người mua rồi cũng hết muốn trả tiền nữa, làm cho ngu-giả thua buồn nhiều nỗi.

Các ngài trong Cổ-Sơn-Môn đâu có rõ khi « Tiếng Chuông Sớm » mới ra đời, khua vang mười cửa, nghe thấu ba Kỳ, chín chúng thầy hoan nghinh, quần-ma đều hàng phục, nên số độc-giả trong lúc ấy ra thế nào, tưởng các ngài cũng dư biết.

Lẽ thì chuông đánh càng lâu càng đằm, nghe càng lâu càng xa mới phải, có sao lại nghe nhiều thêm lẫn đạm, đánh lấm lại dính hơi như vậy ? — Có phải tại chuông xấu hay không ? Hay là chuông tốt mà vì cho họ mượn đánh đến nỗi bề đi ?

Thử xét các báo-chí của nhà Phật là cốt để luận bàn đạo lý, phiên dịch kinh điển, chỉ rõ đường tà nẻo chánh cho họ biết khỏi lầm, chứ những đều công kích của cá-nhơn có mấy ai đem đăng lên mặt báo. — Còn « Tiếng Chuông Sớm » cứ nghe lời gạt gài của kẻ thù riêng, đăng càn những bài lai cáo mà trả hờn giùm cho họ, mà bảo độc-giả không phiền trách sao đặng ?

Chuông của mình sao không để dành mình đánh, lại cho kẻ khác mượn đánh, họ không nhơn tay mà làm ra

cơ hội đến thế. — Song ngu-giả buồn đây không phải là buồn riêng cho ngu-giả hay là buồn cho « Tiếng Chuông Sớm »: Ngu-giả buồn là buồn cho các hội Phật-giáo của nước ta không biết hòa hiệp nhau, không biết liên lạc nhau mà sẵn chân kíp bước với các nước lân bang như Nhật, Xiêm, Tây-Tạng, vân vân... mà cứ giữ mỗi danh lợi, xây công ngãi nhơn, để làm cho mất cái lòng từ-ngưỡng của nhơn-loại.

« Tiếng Chuông Sớm », bạn thân ta ơi! — Người có mê rồi mới ngộ. việc có trải rồi mới khỏi lăm. xin khuyên « Tiếng Chuông Sớm » hãy mau mau gắng dậy mà kiếm thế trùng-tu. lo phượng hễ cứu, hãy tìm chỗ bề mà hàn lại, phải lựa phía kêu mà đánh, đừng cho ai mượn động nửa như trước vậy: thì họa may chúng nghe được tỉnh mình, ngộ giải được tấm lòng buồn chán, thì ngu-giả đây cũng gặp hết lòng cổ động cho đồng kẻ mua xem.

Ngu-giả lại mong sao cho « Tiếng Chuông Sớm » trùng quang sắp họa, dựng có ngày cùng với các Phật-học tạp-chi kia đứng vững trên phương diện hoàng pháp, trước khối phụ lòng của độc-giả ngóng trông mà lại trả được cái ơn đức của đức Thích Ca từ phụ nữa.

Sau này, ngu-giả có ít lời cùng « Tiếng Chuông Sớm » rằng :

Chuông sớm lâu nay đã nổi danh.  
Bởi đâu nên phải vội cầm đàn.  
Đôi hồi thoãn thoãn xao dòng Nhĩ.  
Mấy độ xa xa đội núi Linh.  
Nhứt ngộ đã đành xin sám hối.  
Trùng quan may lại được tỉnh mình.  
Nào tay đào chú rày nên biết.  
Chuông có già đồng liếng mới thanh.

### III) Lời phê bình về vấn-đề « Cái Hồn » mà hai tờ Phật-học Viên-âm và Từ-Bi-âm đã biểu diễn

*Nam-mô a Di-Đà-Phật.*

Đương buổi này xứ Việt-Nam ta cần các cơ quan tập chí Phật Học đấu cật với các vị Đại-Đức và cư-sĩ trong Tam-kỳ « Nam-Bắc-Trung » lo xiềng-dương Phật-pháp, bởi chỗ khuyết điểm bấy lâu nay đặng điều đặc cùng nhau theo con đường sáng suốt của Phật-Giáo ; nên Viên-Âm và Từ-bi-Âm hết lòng vì Tổ mà biện phân cái « Hồn » bấy lâu nay, Minh-Đức này thấy : Phe theo Viên-Âm thì cho Viên-Âm bàn đúng ; phe theo Từ-bi-Âm thì cho Từ-bi-Âm là đúng ; còn bên nghịch là quấy là sai lầm ! Vậy chẳng là phân vân và làm mỗi cho kẻ bàn-quang, phe tà mà ngoại-đạo cùng bọn giả dối thường hay ý lại vẫn chương hùng biện núp ẩn theo lưng Phật dựa theo đó mà lợi dụng thì tội nghiệp lắm !

Cực chẳng đã vì lòng hộ-pháp chung trông chốn Tông-lâm, Huệ-Sanh này tự xét biết mình tài sơ, Đạo-hành còn non, song dám bạo gan công-nhân và phê bình rằng : Lý thuyết của Viên-âm và Từ-Bi-âm biện phân cái « Hồn » đúng với sự thật theo chơn lý Phật-Tổ không sai, không mờ hồ chỉ hết !!!

Nếu ai, « Từ Nam chí Bắc, Tam-kỳ », tự xưng là tài cao học rộng, Đạo-Đức cao thâm, lão thông Tam-Tạng về sự lý cao siêu của Phật-pháp mà cho lý-thuyết của Viên-âm và Từ-bi-âm và lời phê bình này sai lầm, thì Huệ-sanh này dám bạo gan, xin mời đến tề xá tại chợ Núi-sập, hạt Longxuyên Namkỳ hội diện đặng phân cho rành chơn-giã và sự lý cao siêu Phật-pháp.

Nếu hơn và rành đặng Minh-Đức này nguyện theo hầu làm đệ-tử, làm lễ nhưt bội nhưt bài từ tề xá đến bến tàu và chịu tiền sở phí khứ hồi y theo lời nói với ông

chơn-bạnh Gia-định trong Phật-học Lục tỉnh số 17 du 5-11-1935 page 261.

Minh-Đức: này chẳng phải có ý viết bài phê bình này đặng cầu danh cầu lợi chi, chẳng qua là vì lòng hộ-pháp chốn Tông-lâm đầu cột cùng các vị Đại-Đức Tam kỳ mà lo chấn-bưng Phật-pháp; nên bạo gan đánh chuông tri, kêu đèn Huệ của Phật-Tổ để lại mấy ngàn năm nay, đặng inh ỏi thập phương, sáng suốt Tam-kỳ đêm trường thiếp thiếp, lọt vào tai trực tỉnh giấc thê lương, nẻo tối mờ mờ chắm vào mắt tỏ rõ đường chơn-lý, cho bọn tà-ma ngoại-Đạo, kẻ bán-quang cùng bọn già dối ma-vương vỡ-mặt kinh hồn! ấy cũng nhờ ân đức Phật-Tổ!!!

Nếu ai còn nghi ngờ là lời phê-bình của Minh-Đức này và lý-thuyết kia mờ hồ không đúng với sự thật và chơn lý của Phật pháp thì cứ đi ngay đến Núi-sập Long-xuyên hội-diện cùng Minh-Đức mới rõ thiệt hư!!!

*Nam mô a Di Đà Phật*

**Người cầu Đạo**

Cư-sĩ: CAO-VĂN-SÂM

Pháp-danh Huệ-Sanh tự Minh-Đức  
ở Núi-sập via Long-xuyên

NamKỳ



## Phật-học Thiên Đàm



là một quyển sách của những người  
sơ-cơ muốn tu học Phật pháp.

Mỗi quyển 0\$05. 10 quyển 0\$40

CÓ BÁN TẠI TÒA SOẠN VIÊN - ÂM — HUẾ

## B. — Ý-kiên phụ-nữ

### Đôi lời tỏ thể

Bạch cùng các ngài đạo-tâm đứng ra lo sự hoằng dương Phật-giáo trong Nam, Trung và Bắc, ba kỳ ; nhưt là các ngài giúp việc trong bộ biên-tập Tiếng-Chuông-Sớm ở Hanội, Đuốc-Tuệ ở Hanội, Viên-Âm ở Huế, Từ-Bi-Âm ở Saigon, Duy-Tâm ở Trà-Vinh và Bắc-Nhã-Âm ở Baria.

Trước khi tiện-ni cầm bút thảo bài này, xin lỗi các ngài biết cho rằng : tiện-ni vốn là kẻ thân phận liễu-bồ tài hèn sức yếu, giới-lạc đương trẻ, học-thức còn non, đầu giám cả gan vượt phạm mà bàn luận đến công việc hành vi lớn lao của các ngài.

Nhưng tiện-ni xem thấy cách vận-động của các ngài, có lắm điều làm cho tiện-ni phải rơi lệ đau lòng với Phật-pháp nên bất-đắc dĩ phải tỏ-thể một đôi lời, xin các ngài hãy bình tâm mà xét đoán cho.

Trong mấy năm nay, các ngài đứng ra xướng lập hội Phật giáo này, xuất bản tờ tạp chí nọ, thì tiện-ni cũng tưởng cái mỹ ý của các ngài muốn cho Trung hiệp với Bắc, Bắc hiệp với Nam, ba kỳ hiệp lại một nhà chia vai sót gánh mà làm cho giây đoàn-thể càng ngày càng khẩn khít, nên Phật-giáo càng ngày càng mở mang, bầu cùng nhau ngăn đón cái trào lưu vật-chất mà cứu vớt chúng mê đường, phá tan ban ồ của tà ma mà diu dắt người lạc bước. Như vậy mới là cứu khổ, như vậy mới là độ sanh, như vậy mới là tự-lợi lợi-tha và như vậy mới là chấn-hưng Phật-giáo.

Đề đầu các ngài không lo đạo mà lo trả thù riêng, mượn tạp-chí đề rao lời hủy-báng, nay thấy kẻ hội này chê bai người hội khác, mai thấy người viết báo nọ mắng

nhứt kẻ viết báo kia, nào tiếng thị-phi, nào lời bỉ-thữ, nào câu lãng nhue, nào chuyện oán cừu, hô-hào inh ỏi, không khác gì giữa chốn thị trường lâu cho chữ-phương độc-giả phải điết tai, thấy phải gai mắt mà đành đoạn một nỗi òm buồn.

Phải như các ngài có lòng muốn nên với nhau, thì trên trường ngôn-luận của Phật giáo, vẫn chẳng thiếu chi là chuyện đáng nói: nào là kinh điển sai, nào là bài luận bần lâm, vân vân.

Nếu các ngài có chỗ gì kiến giải cao siêu dùng lời hòa nhã mà khai-thị lẫn nhau đặng giúp ích về sự nghiên cứu cho chữ-phương độc-giả khỏi sai lầm. Như vậy thì ai ai lại không hoan-nghinh cái thái-độ chơn chánh và ai lại chẳng khâm-phục cái chí hướng siêu việt của các ngài.

Còn như bọn tà-sư ngoài-đạo làm nhiều hại cho nhơn chúng, hiện đương sờ sờ ở trước tai mắt của các ngài đó, lại thiếu chi là chuyện nên ròi nào là phòng điếm-đạo bí mật của cậu tà-sư kia, là nội một tay cậu mà lâu nay chôn không biết mấy nhánh phủ-dung, đó là một điều hại lớn về toàn-thể phụ-nữ; nào là diệu bùa mê và lá phải của cậu cừ-sĩ nọ đã gạt gẫm tin-đồ của nhà Phật vào trong cái túi lợi-dưỡng của cậu ta có bốn năm muôn người rồi, đó là một điều hại lớn về đoàn-thể tin-đồ của Phật-giáo.

Ngoài ra, còn những kẻ mượn Phật làm danh mà bán Phật bán Pháp và bán Tăng, rất dối họ làm sách ra mà họ nói: đức Thích-Ca giáo-chủ ta là người không biết vệ-sanh, bần áo bằng giẻ rách, họ nói: kinh Phật là thứ sách hoang-dàng, họ nói: mấy nhà Sư ăn mặn không ăn chay, ăn vương nương Phật, vân vân...đó là một điều hại lớn về toàn thể Phật giáo.

Những công chuyện mà tiện-ni đã kể sơ lược trên đây đáng lẽ các ngài nên ròi, mà các ngài lại dánh mặt điết tai ngơ, từng trung lợi đặng cho có nhiều độc-giả, để mở cửa hàng tạp-chỉ của các ngài cho rộng lớn, cho dất người

mua, mà không nghĩ đến cái hại về phần tư-sanh và phần mê-tin của đại-đa-số người đồng-chúng đồng bạn với các ngài.

Nếu các ngài chỉ khu-khu biết cái lợi bán báo của phần mình mà để cho nền tư-sanh của đại-đa số người bị suy sụp và để cho sự mê-tin của đại đa số người càng ngày thêm lên, thì sau này người ta đã hết tiền rồi, còn đâu mà mua tập-chi của các ngài, và người ta đã lằm lạc xu-hướng theo các bọn tà-sư rồi, còn ai đâu mà xem tập-chi của các ngài. Vậy có phải là cái lợi nhãn tiền của các ngài vẫn ít, mà cái hại về tương-lai của các ngài vẫn nhiều hay không ?

Huống chi các ngài đã không dám nói chỉ đến ngoại đạo, lại còn tùy-bhỷ theo ngoại đạo mà công kích với người đồng đạo. Thiệt cái thái độ « Ruột bỏ ra da bỏ vào » ai ai cũng phải chán ngán. Thiệt cái thủ đoạn « Gà một nhà bới một đá nhau » ai ai cũng phải than buồn.

Bởi thế tiện-ni mỗi khi nghe đến câu chuyện cá-nhơn của các ngài thốt ra thì khi ấy là đoạn trường của tiện-ni nên hằng ngày tiện-nhi thăm tưởng trong tâm-tri mà sợ cho các ngài cầm cái đèn bin rọi người mà tự mình không thấy nên phải thổ thê một đôi lời cùng các ngài họa may các ngài có nghĩ đến câu « Trung ngôn nghịch nhĩ » này mà sửa đổi cái chương-trình hoằng-dương Phật-giáo của các ngài lại cho có hệ thống đặng cùng nhau duy-trì cái giếng mỗi Phật pháp và mưu hạnh phúc cho nhơn sanh thì tiện-ni đâu có hèn yếu cách nào cũng hết lòng tán-thành công đức của các ngài.

Xin các ngài vui lòng đăng bài này vào Phật học tập-chi thì tiện-ni rất cảm ơn.

### Đính chánh số 18

(tiếp heo)

- Trang 51, hàng 28..... không thể rời các món thừa..  
 Xin đọc..... không thể rời các món thức..
- Trang 53, hàng 25..... là vô-tâm vô quí. . . . .  
 Xin đọc..... là vô-tâm, vô quí. . . . .
- Trang 54, hàng 16..... hảo tương lân. . . . .  
 Xin đọc..... hảo tương lân. . . . .
- Trang 54, hàng 32..... còn dần lực của tự-chứng đẳng  
 vô-gián-duyên . . . . .  
 Xin đọc..... còn dần lực của tự-chứng-tử là  
 đẳng-vô-gián-duyên. . . . .
- Trang 55, hàng 19..... có chung-tử của thức; lạc cũng  
 vì chưa rõ. . . . .  
 Xin-đọc..... có chủng tử của thức; lạc cũng  
 vì chưa rõ. . . . .
- Trang 56, hàng 1..... vì có pháp-biệt nên. . . . .  
 Xin đọc..... vì có phân-biệt nên. . . . .
- Trang 56, hàng 2..... đó là nói về lối ta tập các vị đại  
 Bồ-tát . . . . .  
 Xin đọc..... đó là nói về lối tu tập các vị  
 đại Bồ-tát. . . . .
- Trang 56, hàng 16..... trong kinh hóa-độ . . . . .  
 Xin đọc..... trong khi hóa-độ. . . . .



Kỳ sau chúng tôi sẽ đăng tiếp « Phương  
 danh những độc giả Viên-Âm trả tiền năm  
 thứ hai ».

**VIÊN-ÂM**

# DỰ' CÁO KỶ SAU



Nghiên-cứu về Số-Luận-sư  
Trách-nhiệm của Tăng-bào  
đòi với xã-hội, Văn-văn. . .

TIN LĂNG BÁO

## Báo « Ngày nay » tục bản

Tờ báo NGÀY NAY do ông Nguyễn-Tương-Tam đứng  
chủ-trương đã tục-bản ngày 12 Juillet 1936.

NGÀY NAY là một tờ báo có nhiều bài đặc sắc, tranh  
đẹp và cách sắp đặt theo mỹ-thuật do các ngài trong Tòa-  
soạn báo Phong-hóa tổ chức.

Báo ra hằng tuần, đứng ngày chủ nhật.

*Toà-soạn và Trị-sự :*

80, đường Quan Thánh HANOI

Giá một năm 3\$80, sáu tháng 2\$00

Chúng tôi xin có lời chúc mừng và giới-thiệu cùng  
bạn đọc.

VIÊN-ẨM

MỘT SỐ : 0\$20

MỘT NĂM : 2\$00

# VIÊN-ÂM

(LA VOIX PARFAITE)

Nguyệt san của Hội Phật-Học — Huế

TÒA-SOẠN :

5, Rue Champeau — Huế

Chủ nhiệm : LÊ-ĐÌNH-THÂM, Médecin Indochinois  
Boite postale N° 73 — Huế

## PHẬT-HỌC THIÊN-ĐÀM

Ông Tế Nam Liên-Khốt đã tái-bản quyển « Phật học Thiên đàm », quyển ấy, tòa soạn chúng tôi đã duyệt ý và nhận việc lưu thông.

Vậy ngài nào muốn thỉnh « Phật học Thiên đàm » xin cứ gửi thơ cho Tòa soạn Viên-Âm, boite postale n° 73 Huế.

Giá Phật-học Thiên-dàm

{ 1 quyển 0\$05

{ 10 quyển 0\$40

VIÊN-ÂM